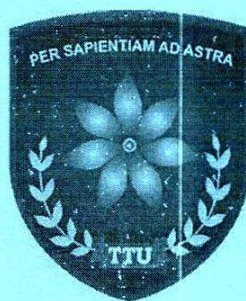


BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TẠO



PHỤ LỤC 8
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
VÀ ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TÊN NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH
TRÌNH ĐỘ: THẠC SĨ
MÃ NGÀNH: 8340101

Tây Ninh - 2025

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TẠO**



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TÊN NGÀNH ĐÀO TẠO: QUẢN TRỊ KINH DOANH

MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO: 8340101

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: THẠC SĨ

LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY

Năm 2025

MỤC LỤC

PHẦN I. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	1
1. Giới thiệu về chương trình đào tạo	1
2. Thông tin về Chương trình đào tạo	1
3. Sứ mạng – Tầm nhìn – Giá trị cốt lõi – Triết lý giáo dục.....	2
4. Mục tiêu của chương trình đào tạo	3
5. Chuẩn đầu ra (PLO).....	4
6. Về vị trí làm việc sau tốt nghiệp	8
7. Cơ hội học tập và nâng cao trình độ	9
8. Cơ sở làm việc sau tốt nghiệp	9
9. Chuẩn đầu vào.....	11
9.4.1. Đối tượng tham gia	13
9.4.2. Điều kiện tham gia.....	13
9.4.3. Đăng ký tham gia chương trình 4+1	14
9.4.4. Công nhận môn học đại học và học phần sau đại học	14
10. Khối lượng học tập.....	15
11. Cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo	15
11.1. Cấu trúc của CTĐT	15
11.2. Ma trận chuẩn đầu ra CTĐT và các môn học	20
12. Chiến lược, phương pháp giảng dạy - học tập và sự chuẩn bị của giảng viên	23
13. Phương pháp kiểm tra, đánh giá	23
13.1. Phương pháp kiểm tra, đánh giá	23
13.2. Đánh giá quá trình.....	23
13.3. Đánh giá cuối kỳ	24
13.4. Hình thức, trọng số và tiêu chí đánh giá:	27
13.5. Thang điểm đánh giá.....	28
13.6. Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra (PLOs) với phương pháp kiểm tra, đánh giá (AMs).....	28
14. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học	29
15. Thông tin tuyển sinh, quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp	29
15.1. Thông tin tuyển sinh	29
15.2. Quy trình đào tạo	29
15.3. Điều kiện tốt nghiệp.....	30
16. Các chương trình đào tạo đã đối sánh.....	30
16.1. Đối sánh CTĐT thạc sĩ QTKD giữa TTU và UEH	30

16.2. Đối sánh CTĐT thạc sĩ QTKD giữa TTU và OU	35
16.3. Đối sánh CTĐT thạc sĩ QTKD giữa TTU và HBU	40
16.4. Đối sánh CTĐT thạc sĩ QTKD giữa TTU và HCMIU	44
16.5. Đối sánh CTĐT thạc sĩ QTKD giữa TTU và RMIT.....	47
16.6. Bảng so sánh học phần giống và khác giữa TTU với các trường đại học khác	51
17. Điều kiện tối thiểu thực hiện chương trình đào tạo	62
17.1. Đội ngũ giảng viên.....	62
17.2. Cơ sở vật chất.....	63
18. Tóm tắt nội dung học phần	64
PHẦN II. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH.....	90
1. Các môn học chung.....	90
2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa.....	90
3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, học phần	90
4. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp	90
4.1. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp	90
4.2. Công nhận tốt nghiệp	91
5. Các chú ý khác	91

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 136/QĐ-ĐHTT.25 ngày 10 tháng 7 năm 2025

của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Tạo)

PHẦN I. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh (MBA) tại Trường Đại học Tân Tạo được xây dựng nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, có khả năng lãnh đạo, phân tích và ra quyết định chiến lược trong môi trường kinh doanh toàn cầu.

Chương trình chú trọng phát triển kiến thức chuyên sâu về quản trị, kết hợp với kỹ năng thực hành, khả năng ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo (AI) trong kỷ nguyên công nghiệp 4.0.

2. Thông tin về Chương trình đào tạo

2.1. Căn cứ pháp lý

- Căn cứ Luật Giáo dục Đại học số 08/2012/QH13 ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018.

- Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

- Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/08/2021 của Bộ GD&ĐT về ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

- Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ GD&ĐT về điều kiện, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ ĐH, thạc sĩ, tiến sĩ;

- Nghị quyết số 05/NQ-HĐTr.24 ngày 17/12/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Tân Tạo về việc phê duyệt chủ trương mở mới ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, đại học và mở mới các phương thức đào tạo liên thông, từ xa;

- Quyết định số 227/QĐ-ĐHTT.24 ngày 31/12/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học

Tân Tạo về việc thành lập Ban xây dựng đề án mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh;

- Quyết định số 233/QĐ-ĐHTT.24 ngày 31/12/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Tạo về việc thành lập Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh.

2.2. Thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo tiếng Việt: Quản trị kinh doanh
- Tên ngành đào tạo tiếng Anh: Business Administration
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
- Mã ngành: 8340101
- Thời gian đào tạo: 2 năm
- Loại hình đào tạo: Chính quy
- Số tín chỉ: 60 tín chỉ
- Văn bằng tốt nghiệp: Bằng Thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

3. Sứ mạng – Tầm nhìn – Giá trị cốt lõi – Triết lý giáo dục

3.1. Sứ mạng

Với triết lý giáo dục, tiêu chuẩn và thực tiễn dựa trên mô hình giáo dục đại học của Mỹ, Trường Đại học Tân Tạo khuyến khích suy nghĩ độc lập, rèn luyện phẩm chất kiên trì, tôn trọng sự đa dạng và ngôn ngữ. Trường Đại học Tân Tạo sẽ đào tạo nên những con người có tính sáng tạo, tư duy logic, học tập suốt đời, trung thực, có trách nhiệm với đất nước và có khả năng lãnh đạo.

3.2. Tầm nhìn

Đến năm 2030, Đại học Tân Tạo trở thành một trường đại học nổi tiếng của khu vực ASEAN và trên thế giới, cung cấp nền giáo dục chất lượng cao, thực hành trên nền tảng kiến thức đã nghiên cứu, phục vụ người dân Việt Nam, Đông Nam Á và trên Thế giới.

3.3. Giá trị cốt lõi

Trách nhiệm (với bản thân, gia đình, cộng đồng trong nước và quốc tế)

Hợp tác (trong mọi hoạt động)

Nỗ lực (để cùng hướng tới việc xây dựng một ĐHTT phát triển bền vững)

Chất lượng (đạt chuẩn trong nước và quốc tế)

Sáng tạo (sự khác biệt có giá trị)

Tôn trọng (bản thân, các quyền của cộng đồng)

Lãnh đạo (bản thân, nhóm và tổ chức/doanh nghiệp)

3.4. Triết lý giáo dục

Khai phóng - Học suốt đời

Khai phóng: Triết lý giáo dục khai phóng dựa trên nền tảng kiến thức toàn diện và đa chiều trong nhiều lĩnh vực về khoa học xã hội, nhân văn và khoa học tự nhiên trước khi đi sâu vào một chuyên ngành. Với 25% môn học khai phóng được nghiên cứu, chọn lọc và tổng hợp từ các ngành khác nhau trong toàn bộ chương trình học, trên tinh thần tự do tư duy - tự do suy nghĩ để tự do lựa chọn giúp rèn luyện cho sinh viên khả năng tự học, tự thích nghi và hoàn thiện bản thân trong những môi trường mới. Do vậy, chương trình đào tạo của ĐHTT xây dựng một lợi thế cạnh tranh vượt bậc cho người học trong những công việc đòi hỏi sự đổi mới liên tục hoặc tự học hỏi một lĩnh vực khác chuyên môn khi cần thiết.

Học suốt đời: Sinh viên tốt nghiệp Đại học Tân Tạo sẽ là những người tích cực học hỏi và học hỏi suốt đời, nhằm nâng cao kiến thức và kỹ năng chuyên môn để phù hợp với yêu cầu nghề nghiệp và hoàn thiện bản thân để làm việc suốt đời, cụ thể:

- Thích nghi với việc học tập không ngừng để tìm cách hoàn thành các nhiệm vụ khác nhau;
- Chủ động xây dựng mục tiêu học tập, mục tiêu cuộc đời;
- Áp dụng kiến thức và kỹ năng một cách linh hoạt, phù hợp và ý nghĩa;
- Thể hiện một sự cam kết duy trì và liên tục học tập các vấn đề liên quan đến nghề nghiệp và các vấn đề cá nhân;
- Lắng nghe, thấu hiểu, hội nhập với bản sắc riêng và nỗ lực liên tục để thành công bền vững trong sự nghiệp.

4. Mục tiêu của chương trình đào tạo

4.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo thạc sĩ Quản trị Kinh doanh (MBA) của Trường Đại học Tân Tạo trang bị cho người học kiến thức chuyên sâu về quản trị kinh doanh, đồng thời phát triển kỹ năng thực hành chuyên nghiệp trong việc tổ chức, điều hành và quản lý doanh nghiệp. Đặc biệt, chương trình chú trọng ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và công nghệ số trong thời đại công nghiệp 4.0, giúp người học nâng cao năng lực phân tích, ra quyết định dựa trên dữ liệu và tối ưu hóa quy trình kinh doanh. Người học sẽ có khả năng làm việc

độc lập, sáng tạo và áp dụng công nghệ AI vào giải quyết các vấn đề phức tạp, thúc đẩy đổi mới và phát triển bền vững trong tổ chức.

4.2. Mục tiêu cụ thể (PO)

a. Về kiến thức:

- PO1: Cung cấp kiến thức lý thuyết sâu rộng, hiện đại về quản trị và thực tiễn trong môi trường kinh doanh, giúp người học có khả năng tổng hợp và vận dụng thành thạo các nguyên lý, học thuyết vào hoạt động quản lý và điều hành tổ chức một cách khoa học, chuyên nghiệp

- PO2: Trang bị kiến thức nâng cao, chuyên sâu về quản trị kinh doanh. Bên cạnh đó, chương trình tích hợp ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và công nghệ số nhằm nâng cao năng lực phân tích, tối ưu hóa quy trình quản lý và ra quyết định dựa trên dữ liệu, đáp ứng nhu cầu phát triển trong kỷ nguyên công nghiệp 4.0.

b. Về kỹ năng:

- PO3: Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề của doanh nghiệp một cách khoa học.

- PO4: Trang bị kỹ năng lãnh đạo, tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động của tổ chức một cách chuyên nghiệp.

- PO5: Trang bị kỹ năng giao tiếp và truyền đạt tri thức một cách thuyết phục để làm việc trong môi trường hội nhập quốc tế.

- PO6: Trang bị kỹ năng nghiên cứu, phát triển và sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo trong hoạt động kinh doanh

- PO7: Tích hợp kiến thức ngoại ngữ chuyên ngành để người học có thể sử dụng thành thạo trong hoạt động quản trị kinh doanh.

c. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- PO8: Có năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực quản trị kinh doanh và đề xuất những sáng kiến có giá trị.

- PO9: Có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao.

5. Chuẩn đầu ra (PLO)

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo người học cần đạt được những kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm theo thang đo Bloom về các mức độ.

5.1. Chuẩn đầu ra của kiến thức:

Thang đo Bloom về chuẩn đầu ra của kiến thức

Thang đo	Giải thích
1	Nhớ: Bao gồm việc NH có thể nhớ lại các điều đặc biệt hoặc tổng quát, trọn vẹn hoặc một phần các quá trình, các dạng thức, cấu trúc... đã được học ở cấp độ này NH cần nhớ lại đúng điều được hỏi đến.
2	Hiểu: Ở cấp độ nhận thức này, NH cần nắm được ý nghĩa của thông tin, thể hiện qua khả năng diễn giải, suy diễn, liên hệ.
3	Vận dụng: NH có khả năng áp dụng thông tin đã biết vào một tình huống, một điều kiện mới
4	Phân tích: NH có khả năng chia các nội dung, các thông tin thành những phần nhỏ để có thể chỉ ra các yếu tố, các mối liên hệ, các nguyên tắc cấu trúc.
5	Đánh giá: NH có khả năng đưa ra nhận định, phán quyết của bản thân đối với một vấn đề dựa trên các chuẩn mực, các tiêu chí đã có.
6	Sáng tạo: Đạt được cấp độ nhận thức cao nhất này NH có khả năng tạo ra cái mới, xác lập thông tin, sự vật mới trên cơ sở những thông tin, sự vật đã có.

Chuẩn đầu ra về kiến thức

Chuẩn đầu ra	Giải thích	Thang đo năng lực Bloom
PLO1	Phân tích các thể giới quan, phương pháp luận khoa học và tư duy logic để chia nhỏ, đánh giá và kết nối thông tin, từ đó áp dụng hiệu quả trong quá trình học tập, nghiên cứu suốt đời và giải quyết các vấn đề phức tạp trong Quản trị kinh doanh.	4
PLO2	Phân tích các lý thuyết quản trị hiện đại, kiến thức nền tảng và chuyên sâu về Quản trị kinh doanh, cũng như môi trường kinh doanh, nhằm đánh giá dữ liệu, nhận diện xu hướng và xác định các yếu tố tác động, từ đó đưa ra các quyết định chiến lược và chức năng trong doanh nghiệp	4
PLO3	Đánh giá cơ hội kinh doanh, hiệu quả hoạt động doanh nghiệp và các quyết định chiến lược dựa trên việc phân tích dữ liệu, so sánh mô hình kinh doanh và cân nhắc rủi ro trong bối cảnh kinh	5

Chuẩn đầu ra	Giải thích	Thang đo năng lực Bloom
	tế toàn cầu.	
PLO4	Nhận định vai trò của trí tuệ nhân tạo (AI) và công nghệ số trong việc tối ưu hóa quy trình quản trị, hỗ trợ ra quyết định dựa trên dữ liệu, đồng thời đề xuất giải pháp nâng cao khả năng thích ứng với sự thay đổi của môi trường kinh doanh hiện đại.	5

5.2. Chuẩn đầu ra của kỹ năng

Thang đo Bloom về chuẩn đầu ra của kỹ năng

Thang đo	Giải thích
1	Bắt chước (Imitation): Quan sát người khác và làm theo, thường dựa trên hướng dẫn hoặc mẫu có sẵn
2	Thao tác (Manipulation): Thực hiện kỹ năng dựa trên hướng dẫn hoặc trí nhớ, có sự điều chỉnh nhẹ
3	Phản ứng chính xác (Precision): Thực hiện kỹ năng một cách chính xác, ít lỗi hơn, có thể thực hiện mà không cần giám sát.
4	Phối hợp (Articulation): Phối hợp nhiều kỹ năng khác nhau để thực hiện hành động phức tạp một cách nhịp nhàng và hiệu quả.
5	Tự động hóa (Naturalization): Thực hiện kỹ năng một cách tự động, không cần suy nghĩ, có thể điều chỉnh linh hoạt trong mọi tình huống.

Chuẩn đầu ra về kỹ năng

Chuẩn đầu ra	Giải thích	Thang đo năng lực Bloom
<i>Kỹ năng nghề nghiệp</i>		
PLO5	Thực hiện các quy trình và phương pháp quản lý doanh nghiệp bằng cách vận dụng và điều chỉnh linh hoạt kiến thức chuyên ngành vào thực tiễn.	3
PLO6	Áp dụng các kỹ thuật phân tích và xử lý thông tin để nghiên cứu độc lập, giải quyết và tư vấn các vấn đề thực tiễn trong doanh nghiệp trong bối cảnh công nghiệp 4.0.	3
PLO7	Vận hành các mô hình lãnh đạo, tổ chức và quản trị	3

Chuẩn đầu ra	Giải thích	Thang đo năng lực Bloom
	doanh nghiệp một cách hiệu quả, đảm bảo tính thích ứng và tối ưu trong hoạt động kinh doanh.	
<i>Kỹ năng mềm</i>		
PLO8	Điều phối hoạt động giao tiếp, thuyết trình, đàm phán và kết nối trong môi trường kinh doanh, đảm bảo sự chuyên nghiệp và hiệu quả trong hợp tác.	4
PLO9	Sử dụng ngoại ngữ thành thạo ở bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam để giao tiếp và làm việc trong môi trường quốc tế.	4

5.3. Chuẩn đầu ra của năng lực tự chủ và trách nhiệm

Thang đo Bloom về CDR của Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

Thang đo	Giải thích
1	Tiếp nhận (Receiving): Người học thể hiện sự chú ý, sẵn sàng tiếp thu kiến thức mới
2	Đáp ứng (Responding): Người học tích cực tham gia vào hoạt động, thể hiện sự quan tâm
3	Định giá (Valuing): Người học bắt đầu đánh giá, trân trọng và xem trọng giá trị của kiến thức
4	Tổ chức (Organizing): Người học xây dựng hệ thống giá trị cá nhân, liên kết kiến thức với quan điểm của mình
5	Hình thành đặc điểm nhân cách (Characterizing): Người học biến giá trị thành niềm tin cốt lõi, ảnh hưởng đến hành vi lâu dài

Người học cần đạt mức thái độ như được trình bày bên dưới để quá trình đào tạo đạt hiệu quả.

Chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Chuẩn đầu ra	Giải thích	Thang đo năng lực Bloom
PLO10	Sắp xếp và tích hợp các quan điểm đa chiều để hình thành kết luận mang tính chuyên gia, từ đó đưa ra giải pháp cho các vấn đề phức tạp trong doanh nghiệp.	3
PLO11	Xây dựng định hướng cá nhân để phát triển năng lực lãnh đạo và chuyên môn, hướng tới vai trò nhà lãnh đạo hoặc chuyên gia	3

Chuẩn đầu ra	Giải thích	Thang đo năng lực Bloom
	cao cấp trong lĩnh vực kinh doanh và quản lý.	
PLO12	Điều chỉnh hành vi và ra quyết định dựa trên việc trân trọng và gìn giữ các giá trị đạo đức của dân tộc, từ đó thúc đẩy lối sống có trách nhiệm và nâng cao giá trị cuộc sống.	4

** Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

MỤC TIÊU ĐÀO TẠO	CHUẨN ĐẦU RA CTĐT											
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12
PO1	x	x	x									
PO2		x	x	x								
PO3					x	x	x					
PO4							x					
PO5							x					
PO6						x						
PO7								x				
PO8								x		x	x	
PO9									x	x	x	x

6. Về vị trí làm việc sau tốt nghiệp

Ma trận kết nối giữa vị trí việc làm và chuẩn đầu ra chương trình Thạc sĩ QTKD

Vị trí việc làm	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO 10	PLO 11	PLO 12
1. Nhà quản lý cấp trung/cao		H	H	H	H	H	H			H	H	
2. Giảng viên/Nghiên cứu viên	H	H				H		H	H	H		H
3. Doanh nhân/Sáng lập startup			H	H	H	H					H	H
4. Chuyên gia hoạch định & phân tích chiến lược		H	H			H	M			H		

5. Cán bộ quản lý nhà nước/Chuyên viên NGO	M			M						M	H		H
--	---	--	--	---	--	--	--	--	--	---	---	--	---

Mức độ thể hiện bằng ba cấp độ:

- **H (High):** Mức độ kết nối cao
- **M (Medium):** Mức độ kết nối trung bình
- **L (Low):** Mức độ kết nối thấp

7. Cơ hội học tập và nâng cao trình độ

Sau khi tốt nghiệp, người học có khả năng tự học suốt đời và có thể học tập tiếp các chương trình đào tạo sau đại học (tiến sĩ) trong và ngoài nước.

8. Cơ sở làm việc sau tốt nghiệp

Chương trình Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh (MBA) tại Trường Đại học Tân Tạo được thiết kế theo định hướng ứng dụng, đáp ứng nhu cầu thực tiễn của thị trường lao động trong và ngoài nước. Sau khi tốt nghiệp, người học có thể đảm nhiệm nhiều vị trí công việc đa dạng trong các loại hình tổ chức khác nhau, bao gồm doanh nghiệp, tổ chức chính phủ, tổ chức phi chính phủ (NGO), viện nghiên cứu, trường đại học và các đơn vị khởi nghiệp. Cụ thể:

a) Vị trí 1: Nhà quản lý/Chuyên gia cấp trung hoặc cấp cao trong doanh nghiệp

- Phù hợp với các CDR:

+ **PLO2, PLO3, PLO4:** Năng lực phân tích dữ liệu, ra quyết định chiến lược, sử dụng AI & công nghệ số

+ **PLO5, PLO6, PLO7:** Kỹ năng vận hành, tư vấn, tổ chức quản trị doanh nghiệp

+ **PLO10, PLO11:** Tư duy tổ chức, lãnh đạo và năng lực giải quyết vấn đề phức tạp

- *Vị trí cụ thể:*

+ Giám đốc điều hành (CEO)

+ Giám đốc chức năng (Marketing, Tài chính, Nhân sự, Vận hành...)

+ Trưởng phòng, trưởng bộ phận chiến lược, phát triển, phân tích dữ liệu

b) Vị trí 2: Nhà nghiên cứu, GV đại học hoặc chuyên gia tư vấn học thuật

- Phù hợp với các CDR:

+ **PLO1, PLO2, PLO6, PLO10:** Phân tích lý thuyết, nghiên cứu và phát triển kiến thức

+ **PLO12:** Đạo đức nghề nghiệp và phát triển bền vững

+ **PLO8, PLO9:** Kỹ năng trình bày, giao tiếp và ngoại ngữ trong học thuật

- *Vị trí cụ thể:*

+ Giảng viên đại học ngành Quản trị kinh doanh

+ Nhà nghiên cứu thị trường, học giả

+ Tư vấn học thuật tại các tổ chức giáo dục

c) Vị trí 3: Doanh nhân/Người sáng lập hoặc đồng sáng lập doanh nghiệp

- *Phù hợp với các CDR:*

+ **PLO3, PLO5, PLO6:** Đánh giá cơ hội, điều hành doanh nghiệp

+ **PLO4, PLO11:** Ứng dụng công nghệ, phát triển năng lực lãnh đạo

+ **PLO12:** Giá trị đạo đức, trách nhiệm xã hội

- *Vị trí cụ thể:*

+ Founder/Co-founder Startup

+ Chủ doanh nghiệp vừa và nhỏ

+ Nhà đầu tư khởi nghiệp

d) Vị trí 4: Chuyên gia phân tích và hoạch định chiến lược

- *Phù hợp với các CDR:*

+ **PLO2, PLO3, PLO6, PLO7:** Khả năng đánh giá dữ liệu, phân tích mô hình kinh doanh

+ **PLO10:** Tư duy phản biện và giải pháp chiến lược

- *Vị trí cụ thể:*

+ Chuyên gia phân tích kinh doanh (Business Analyst)

+ Chuyên gia hoạch định chiến lược (Strategy Consultant)

+ Chuyên gia phát triển tổ chức (OD Specialist)

e) Vị trí 5: Cán bộ quản lý nhà nước, chuyên viên tại cơ quan chính phủ/phi chính phủ

- *Phù hợp với các CDR:*

+ **PLO1, PLO4, PLO10, PLO12:** Phân tích chính sách, ra quyết định, trách nhiệm xã hội

+ **PLO9:** Kỹ năng ngoại ngữ trong môi trường quốc tế

- *Vị trí cụ thể:*

+ Chuyên viên quản lý chương trình tại cơ quan nhà nước

+ Cán bộ hoạch định chính sách công nghiệp, thương mại

+ Chuyên viên quản lý dự án phát triển tại NGO, tổ chức quốc tế

9. Chuẩn đầu vào

9.1. Điều kiện dự tuyển

Căn cứ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT về Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ) và hướng dẫn của Trường Đại học Tân tạo:

- Tất cả thí sinh đã tốt nghiệp hoặc đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp (Có bằng tốt nghiệp đại học nhóm ngành Kinh doanh: Quản trị kinh doanh, Kinh doanh thương mại, Marketing, Kinh doanh quốc tế, Thương mại điện tử, Bất động sản).

- Tất cả các học viên có bằng đại học của tất cả các khối ngành học gần và ngành khác với Quản trị kinh doanh đều được dự tuyển nhưng sẽ phải trải qua giai đoạn bổ sung kiến thức để đủ điều kiện dự tuyển.

+ Ngành gần: Có bằng tốt nghiệp đại học thuộc nhóm ngành Tài chính-Ngân hàng-Bảo hiểm, Kế toán-Kiểm toán, và Quản trị-Quản lý.

+ Ngành khác: Có bằng tốt nghiệp đại học không thuộc các ngành trên.

+ Các môn học cần bổ sung kiến thức được xác định trên cơ sở khung chương trình chuẩn đang được thực hiện cho ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Tân tạo và danh mục các môn học mà đối tượng dự thi đã được tích lũy ở bậc đại học. Thí sinh sẽ được miễn học bổ sung nếu đã học học phần này trong CTĐT cử nhân.

- Danh sách các môn học phải bổ sung được phân chia cho các đối tượng có bằng cử nhân theo các nhóm ngành như sau:

+ Đối tượng dự tuyển thuộc nhóm ngành gần phải học bổ sung kiến thức 3 học phần với 6 tín chỉ: *Quản trị học, Quản trị chất lượng và Quản trị Marketing*.

+ Đối tượng dự tuyển thuộc nhóm ngành khác phải học bổ sung 7 học phần với 14 tín chỉ: *Quản trị học, Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Quản trị chất lượng, Quản trị Marketing, Quản trị tài chính, Kế toán quản trị*.

9.2. Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển

Điều kiện xét tuyển: Thí sinh đăng ký xét tuyển vào trình độ thạc sĩ phải thỏa mãn các điều kiện sau đây:

- Yêu cầu văn bằng: Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp. Đối với thí sinh có văn bằng

đại học thuộc nhóm ngành gần và ngành khác cần hoàn thành bổ sung kiến thức theo quy định của Trường Đại học Tân tạo.

- Yêu cầu về ngoại ngữ: Khi nộp hồ sơ, thí sinh đạt yêu cầu về trình độ ngoại ngữ theo quy định:

+ Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài bằng tiếng Anh, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;

+ Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam hoặc bằng kỹ sư chất lượng cao (PFIEV) được ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng;

+ Có bằng tốt nghiệp đại học trong nước ngành ngôn ngữ nước ngoài;

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do chính cơ sở đào tạo cấp trong thời gian không quá 02 năm mà CĐR của chương trình đã đáp ứng được yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- Có năng lực ngoại ngữ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (Bảng 3.9).

- Thí sinh là công dân nước ngoài có chứng chỉ trình độ tiếng Việt tối thiểu từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà CTĐT được giảng dạy bằng tiếng Việt.

Tham chiếu quy đổi một số văn bằng chứng chỉ ngoại ngữ tương đương Bậc 3 và Bậc 4 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam áp dụng trong tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ (thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT về Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ):

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ/văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30-45	46-93
		TOEFL ITP	450-499	
		IELTS	4.0 – 5.0	5.5 – 6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160-179

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ/văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance francaise diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplome de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplome de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	HSK Bậc 4
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
6	Tiếng Nga	TPKH - TecT no pyccicompy 5I3bIKy KaK mocrpamiomy	TPKH-1	TPKH-2

9.3. Điều kiện trúng tuyển

Căn cứ kết quả xét tuyển điểm trung bình tốt nghiệp đại học, trình độ ngoại ngữ và chỉ tiêu xét tuyển, Hội đồng tuyển sinh Sau đại học sẽ duyệt danh sách ứng viên được xét tuyển trình độ thạc sĩ theo điểm trung bình đại học từ cao xuống đến hết chỉ tiêu.

9.4. Tuyển sinh chương trình 4+1

9.4.1. Đối tượng tham gia

Sinh viên Trường ĐH Tân Tạo từ năm 3 tích lũy tối thiểu 70 tín chỉ trong chương trình đào tạo trình độ đại học;

9.4.2. Điều kiện tham gia

- Ngành đào tạo trình độ đại học phải là ngành nằm trong danh mục ngành đúng, ngành phù hợp với ngành đào tạo trình độ thạc sĩ; nếu ngành đào tạo trình độ đại học là ngành nằm trong danh mục ngành gần, ngành khác với ngành đào tạo trình độ thạc sĩ

phải được Khoa quản lý ngành đào tạo trình độ thạc sĩ tư vấn và đồng ý;

- Sinh viên đang học CTĐT đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) có học lực tính theo điểm trung bình tích lũy xếp loại khá trở lên được đăng ký học trước một số học phần của CTĐT thạc sĩ của Trường. Số tín chỉ được công nhận không vượt quá 15 tín chỉ.

9.4.3. Đăng ký tham gia chương trình 4+1

- Sinh viên đăng ký ghi danh tham gia chương trình 4+1 trên Hệ thống thông tin sinh viên.

- Sinh viên đang theo học ngành đào tạo trình độ đại học là ngành nằm trong danh mục ngành gần, ngành khác với ngành đào tạo trình độ thạc sĩ muốn tham gia chương trình 4+1 thì sinh viên làm đơn xin đăng ký có sự đồng ý Khoa quản lý ngành đào tạo trình độ thạc sĩ tư vấn và đồng ý nộp tại Phòng Quản lý đào tạo.

9.4.4. Công nhận môn học đại học và học phần sau đại học

Công nhận học phần tương đương

Nội dung	Công nhận môn học bậc đại học	Công nhận học phần bậc cao học
Quyền lợi	Người học được công nhận điểm những môn học ở bậc đại học (nằm trong danh mục tương đương) khi hoàn thành các học phần ở chương trình bồi dưỡng sau đại học.	Được xem xét công nhận kết quả các học phần đã hoàn thành đạt yêu cầu vào chương trình đào tạo sau đại học ngay khi người học được công nhận là người học.
Hồ sơ	Đơn xin công nhận điểm môn học; Bảng điểm sau đại học (nộp đơn xin cấp bảng điểm trong hệ thống thông tin người học).	Đơn xin công nhận điểm học phần; Bảng điểm sau đại học (nộp đơn xin cấp bảng điểm trong hệ thống thông tin người học).
Thời điểm nhận hồ sơ	Khi học phần có điểm tổng kết.	Khi làm thủ tục nhập học chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ.
Nơi nhận hồ sơ	Phòng Quản lý đào tạo	Phòng Quản lý đào tạo
Thời hạn công nhận	05 năm kể từ ngày hoàn thành chương trình 4+1	

Danh mục môn học - học phần tương đương

Cấu trúc chương trình	Tổng số tín chỉ	KHỐI LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO				
		Kiến thức Chung	Kiến thức cơ sở và chuyên ngành		Thực tập và tốt nghiệp	
			Cơ sở ngành	Chuyên ngành	Trải nghiệm thực tiễn	Đề án tốt nghiệp
Định hướng ứng dụng	60	7	25	15	6	7

11.1. Cấu trúc của CTĐT

Số TT	Mã số học phần	Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)						
			Tín chỉ	Tổng số giờ học	Lý thuyết			Thực hành, thí nghiệm, điền dã	Tự học, tự nghiên cứu
					Thuyết giảng	Thảo luận tình huống	Bài tập nhóm		
PHẦN KIẾN THỨC CHUNG									

Số TT	Mã số học phần	Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)						
			Tín chỉ	Tổng số giờ học	Lý thuyết			Thực hành, thí nghiệm, diễn đã	Tự học, tự nghiên cứu
					Thuyết giảng	Thảo luận tình huống	Bài tập nhóm		
1	MACL208	Triết học (<i>Philosophy</i>)	4	200	30	15	15	0	140
2	MBA01	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh (<i>Research Methods for Business</i>)	3	150	5	20	20	0	105
PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH									
Học phần bắt buộc									
3	MBA02	Quản trị chiến lược toàn cầu (Global Strategic Management)	3	150	5	20	20	0	105
4	MBA03	Quản trị nguồn nhân lực chiến lược (Strategic Human Resource Management)	3	150	5	20	20	0	105
5	MBA04	Quản trị vận hành và chuỗi cung ứng (Operations and Supply Chain Management)	3	150	5	20	20	0	105
6	MBA05	Quản trị Marketing nâng cao (Advanced Marketing Management)	3	150	5	20	20	0	105
7	MBA06	Tài chính nâng cao cho nhà quản trị (Advanced Finance for Managers)	3	150	5	20	20	0	105
8	MBA07	Lãnh đạo chiến lược (Strategic Leadership)	4	200	10	20	30	0	140

Số TT	Mã số học phần	Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)						
			Tín chỉ	Tổng số giờ học	Lý thuyết			Thực hành, thí nghiệm, điền dã	Tự học, tự nghiên cứu
					Thuyết giảng	Thảo luận tình huống	Bài tập nhóm		
Học phần tự chọn (Người học chọn 2 trong 4 học phần)									
9	MBA08	Hành vi tổ chức (Organizational Behavior)	3	150	5	20	20	0	105
10	MBA09	Quản trị đa văn hóa (Cross-Cultural Management)	3	150	5	20	20	0	105
11	MBA10	Quản trị chất lượng nâng cao (Advanced Quality Management)	3	150	5	20	20	0	105
12	MBA11	Mô hình kinh doanh điện tử (E-Business Models)	3	150	5	20	20	0	105
PHẦN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH									
Học phần tự chọn (Người học chọn 1 trong 2 định hướng sau)									
Định hướng Quản trị kinh doanh tổng hợp									
13	MBA12	Quản trị kinh doanh quốc tế (International Business Management)	3	150	5	20	20	0	105
14	MBA13	Quản trị rủi ro trong doanh nghiệp (Enterprise Risk Management)	3	150	5	20	20	0	105
15	MBA14	Ứng dụng Trí tuệ nhân tạo và Dữ liệu lớn trong KD (Artificial Intelligence and Big Data Applications in Business)	3	150	5	20	20	0	105
16	MBA15	Quản trị dự án nâng cao	3	150	5	20	20	0	105

Số TT	Mã số học phần	Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)						
			Tín chỉ	Tổng số giờ học	Lý thuyết			Thực hành, thí nghiệm, điền dã	Tự học, tự nghiên cứu
					Thuyết giảng	Thảo luận tình huống	Bài tập nhóm		
		(Advanced Project Management)							
17	MBA16	Quản trị đổi mới và khởi nghiệp (Innovation and Entrepreneurship Management)	3	150	5	20	20	0	105
Định hướng về Quản trị bền vững									
18	MBA17	Môi trường: luật pháp và chính sách (Environment: Law and Policy)	3	150	5	20	20	0	105
19	MBA18	Kinh tế tuần hoàn và phát triển bền vững (Circular Economy and Sustainable Development)	3	150	5	20	20	0	105
20	MBA19	Đạo đức kinh doanh và Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (Business Ethics and Corporate Social Responsibility)	3	150	5	20	20	0	105
21	MBA20	Đánh giá tác động môi trường và xã hội (Environmental and Social Impact Assessment)	3	150	5	20	20	0	105
22	MBA21	Công nghệ kết nối vạn vật (Internet of Things (IoT) Technologies)	3	150	5	20	20	0	105

Số TT	Mã số học phần	Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)						
			Tín chỉ	Tổng số giờ học	Lý thuyết			Thực hành, thí nghiệm, điền dã	Tự học, tự nghiên cứu
					Thuyết giảng	Thảo luận tình huống	Bài tập nhóm		
HỌC PHẦN THỰC TẬP VÀ TỐT NGHIỆP									
23	MBA22	Siminar Chuyên đề: Đề án kinh doanh thực tiễn (Seminar on Practical Business Project)	6	390	0	0	0	180	210
24	MBA23	Đề án tốt nghiệp (Thesis)	7	455	0	0	0	210	245
Tổng cộng			60						

11.2. Ma trận chuẩn đầu ra CTĐT và các môn học

MÃ HỌC PHÂN	HỌC PHẦN	CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (PLOs)											
		Kiến thức				Kỹ năng				Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
		PLO1 (4)	PLO2 (4)	PLO3 (5)	PLO4 (5)	PLO5 (3)	PLO6 (3)	PLO7 (3)	PLO8 (4)	PLO9 (4)	PLO10 (3)	PLO11 (3)	PLO12 (4)
MACL208	Triết học	4				3							4
MBA01	Phương pháp NCKH trong kinh doanh		4	4			3				3		
MBA02	Quản trị chiến lược toàn cầu		4	5		3	3				3		
MBA03	Quản trị nguồn nhân lực chiến lược		4	5		3	3				3		
MBA04	Quản trị vận hành và chuỗi cung ứng		4	5		3		3	4		3		
MBA05	Quản trị Marketing nâng cao		4		4	3			4		3		
MBA06	Tài chính nâng cao cho nhà quản trị		4	5		3			4		3		
MBA07	Lãnh đạo chiến lược	4		5		3		3	4		3	3	
MBA08	Hành vi tổ chức	4		4		3		3		4		3	4
MBA09	Quản trị đa văn hóa	4		5			3		4	4			4
MBA10	Quản trị chất lượng nâng cao		4	5		3			4		3		
MBA11	Mô hình kinh doanh		4	4		3	3				3		

MÃ HỌC PHÂN	HỌC PHẦN	CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (PLOs)											
		Kiến thức				Kỹ năng				Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
		PLO1 (4)	PLO2 (4)	PLO3 (5)	PLO4 (5)	PLO5 (3)	PLO6 (3)	PLO7 (3)	PLO8 (4)	PLO9 (4)	PLO10 (3)	PLO11 (3)	PLO12 (4)
	điện tử												
MBA12	Quản trị kinh doanh quốc tế		4	5		3		3	4			3	
MBA13	Quản trị rủi ro trong doanh nghiệp		4	5		3	3		4		3		
MBA14	Ứng dụng Trí tuệ nhân tạo và Dữ liệu lớn trong KD		4		5		3	3			3		
MBA15	Quản trị dự án năng cao		4	5		3			4			3	
MBA16	Quản trị đổi mới và khởi nghiệp	4		5			3		4		3	3	
MBA17	Môi trường: luật pháp và chính sách	4	4	5		3					3		4
MBA18	Kinh tế tuần hoàn và phát triển bền vững		4	5			3		4				4
MBA19	Đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	4		4		3					3		4
MBA20	Đánh giá tác động môi	4		4		3		3			3		4

MÃ HỌC PHẦN	HỌC PHẦN	CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (PLOs)											
		Kiến thức						Kỹ năng					
		PLO1 (4)	PLO2 (4)	PLO3 (5)	PLO4 (5)	PLO5 (3)	PLO6 (3)	PLO7 (3)	PLO8 (4)	PLO9 (4)	PLO10 (3)	PLO11 (3)	PLO12 (4)
	trường và xã hội												
MBA21	Công nghệ kết nối vạn vật			4		4	3				3		
MBA22	Siminar Chuyên đề: Đề án kinh doanh thực tiễn	4	4	5	5	3	3	3	4	4	3	3	4
MBA23	Đề án tốt nghiệp	4	4	5	5	3	3	3	4	4	3	3	4

12. Chiến lược, phương pháp giảng dạy - học tập và sự chuẩn bị của giảng viên

Chiến lược giảng dạy – học tập bao gồm:

- Học tập theo dự án và theo vấn đề (PBL)
- Kết hợp giữa lý thuyết và thực hành thực tế tại doanh nghiệp
- Ứng dụng công nghệ thông tin và AI trong giảng dạy
- Giảng viên đóng vai trò người dẫn dắt, người hướng dẫn nghiên cứu

Mối liên hệ với PLOs:

TLM1: Dạy tích hợp AI và công nghệ số

TLM2: Dạy học theo dự án

TLM3: Tổ chức phản biện, seminar học thuật

*** Mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra (PLOs) với Chiến lược và phương pháp giảng dạy-học tập (TLMs)**

TLMs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)											
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12
TLM1				X		X						
TLM2			X					X			X	
TLM3	X									X		X

13. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

13.1. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Phương pháp kiểm tra, đánh giá trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh tại Trường Đại học Tân Tạo được thiết kế theo hướng **đa dạng hóa hình thức đánh giá**, kết hợp giữa đánh giá quá trình và đánh giá cuối kỳ, đảm bảo phản ánh đầy đủ năng lực người học trên các phương diện kiến thức, kỹ năng và năng lực thực hành nghề nghiệp:

13.2. Đánh giá quá trình

Đánh giá quá trình được thực hiện xuyên suốt trong mỗi học phần, nhằm khuyến khích người học tham gia tích cực, rèn luyện tư duy phản biện, khả năng trình bày và năng lực giải quyết vấn đề. Các hình thức đánh giá bao gồm:

- Đánh giá chuyên cần: Kiểm tra tỷ lệ tham dự lớp học, mức độ tích cực tham gia

thảo luận và tương tác học tập.

- Đánh giá bài tập: Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài tập tình huống nhằm kiểm tra khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

- Đánh giá thuyết trình: Thực hiện trình bày trước lớp hoặc trong nhóm, đánh giá kỹ năng truyền đạt, lập luận và sử dụng công cụ hỗ trợ.

- Đánh giá trải nghiệm thực tế: Thông qua các buổi đi thực tế doanh nghiệp, seminar chuyên đề, phản ánh năng lực học tập gắn với thực tiễn.

13.3. Đánh giá cuối kỳ

Đánh giá cuối kỳ nhằm kiểm tra tổng thể năng lực đạt được sau khi hoàn thành học phần. Các hình thức đánh giá bao gồm:

- Báo cáo chuyên đề/Tiểu luận: Thực hiện bài viết phân tích hoặc đề xuất giải pháp cho vấn đề chuyên sâu, đánh giá năng lực nghiên cứu độc lập và viết học thuật.

- Đánh giá làm việc nhóm: Dựa trên sản phẩm dự án hoặc nghiên cứu nhóm, phản ánh khả năng hợp tác và điều phối trong môi trường chuyên nghiệp.

- Đánh giá thuyết trình: Thuyết trình kết quả nghiên cứu hoặc dự án cuối kỳ, thể hiện tư duy logic, năng lực thuyết phục và sử dụng ngoại ngữ (nếu có yêu cầu).

Ma trận phương pháp đánh giá các học phần

Số TT	Mã số Học phần	Tên Học phần	Đánh giá quá trình					Đánh giá cuối kỳ		
			Đánh giá chuyên cần	Đánh giá bài tập	Đánh giá thuyết trình	Đánh giá trải nghiệm thực tế	Báo cáo chuyên đề/Tiểu luận	Đánh giá làm việc nhóm	Đánh giá thuyết trình	
1	MACL208	Triết học	X		X		X	X		
2	MBA01	Phương pháp NCKH trong kinh doanh	X	X	X		X	X		
3	MBA02	Quản trị chiến lược toàn cầu	X	X	X		X	X		
4	MBA03	Quản trị nguồn nhân lực chiến lược	X	X	X		X	X		
5	MBA04	Quản trị vận hành và chuỗi cung ứng	X	X	X		X	X		
6	MBA05	Quản trị Marketing nâng cao	X	X	X		X	X		
7	MBA06	Tài chính nâng cao cho nhà quản trị	X	X	X		X	X		
8	MBA07	Lãnh đạo chiến lược	X	X	X		X	X		
9	MBA08	Hành vi tổ chức	X	X	X		X	X		

Số TT	Mã số Học phần	Tên Học phần	Đánh giá quá trình					Đánh giá cuối kỳ		
			Đánh giá chuyên cần	Đánh giá bài tập	Đánh giá thuyết trình	Đánh giá trải nghiệm thực tế	Báo cáo chuyên đề/Tiểu luận	Đánh giá làm việc nhóm	Đánh giá thuyết trình	
10	MBA09	Quản trị đa văn hóa	X	X	X		X	X		
11	MBA10	Quản trị chất lượng nâng cao	X	X	X		X	X		
12	MBA11	Mô hình kinh doanh điện tử	X	X	X		X	X		
13	MBA12	Quản trị kinh doanh quốc tế	X	X	X		X	X		
14	MBA13	Quản trị rủi ro trong doanh nghiệp	X	X	X		X	X		
15	MBA14	Ứng dụng Trí tuệ nhân tạo và Dữ liệu lớn trong KD	X	X	X		X	X		
11	MBA15	Quản trị dự án nâng cao	X	X	X		X	X		
12	MBA16	Quản trị đổi mới và khởi nghiệp	X	X	X		X	X		
13	MBA17	Môi trường: luật pháp	X	X	X		X	X		

Số TT	Mã số Học phần	Tên Học phần	Đánh giá quá trình					Đánh giá cuối kỳ		
			Đánh giá chuyên cần	Đánh giá bài tập	Đánh giá thuyết trình	Đánh giá trải nghiệm thực tế	Báo cáo chuyên đề/Tiểu luận	Đánh giá làm việc nhóm	Đánh giá thuyết trình	
		và chính sách								
14	MBA18	Kinh tế tuần hoàn và phát triển bền vững	X	X	X		X	X		
15	MBA19	Đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	X	X	X		X	X		
16	MBA20	Đánh giá tác động môi trường và xã hội	X	X	X		X	X		
17	MBA21	Công nghệ kết nối vạn vật	X	X	X		X	X		
18	MBA22	Siminar Chuyên đề: Đề án kinh doanh thực tiễn				X	X	X		
19	MBA23	Đề án tốt nghiệp					X			X

13.4. Hình thức, trọng số và tiêu chí đánh giá:

Theo Quy chế đào tạo của trường Đại học Tân Tạo

Căn cứ quy định của Bộ môn, được thể hiện chi tiết tên Đề cương chi tiết học phần.

13.5. Thang điểm đánh giá

Theo Quy chế đào tạo của trường Đại học Tân Tạo.

13.6. Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra (PLOs) với phương pháp kiểm tra, đánh giá (AMs)

AMs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)											
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12
AM1	X	X								X		
AM2			X	X	X	X						
AM3							X	X			X	X

AM1: Kiểm tra cá nhân – Bài viết phản biện (gắn PLO1, PLO2, PLO10)

AM2: Tiểu luận, bài tập tình huống (gắn PLO3, PLO4, PLO5, PLO6)

AM3: Dự án nhóm, thuyết trình (gắn PLO7, PLO8, PLO11, PLO12)

14. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học

- Rà soát chương trình đào tạo định kỳ mỗi 2 năm, có sự tham vấn doanh nghiệp và cựu người học.
- Đào tạo lại giảng viên về chuyển đổi số và phương pháp giảng dạy tích cực.
- Ứng dụng phản hồi người học và kết quả khảo sát việc làm để cập nhật nội dung học phần.

15. Thông tin tuyển sinh, quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

15.1. Thông tin tuyển sinh

Tất cả các đối tượng theo quy chế tuyển sinh đại học của Bộ GD&ĐT.

15.2. Quy trình đào tạo

Tuyển sinh:

- Thông báo tuyển sinh và tiếp nhận hồ sơ theo quy định của Trường/ Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Tổ chức xét tuyển để chọn ra các ứng viên đủ điều kiện.
- Công bố kết quả tuyển sinh và làm thủ tục nhập học cho thí sinh trúng tuyển.

Tổ chức đào tạo:

- Xây dựng kế hoạch đào tạo chi tiết, bao gồm các học phần bắt buộc và tự chọn.
- Tổ chức giảng dạy các học phần theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc kết hợp.
- Hướng dẫn người học thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học.
- Tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học.
- Tạo điều kiện cho người học tham gia hoạt động ngoại khóa, hội thảo khoa học, workshop chuyên đề liên quan đến ngôn ngữ Anh.

Nghiên cứu đề tài và viết đề án:

- Hướng dẫn người học lựa chọn đề tài nghiên cứu và xây dựng đề cương.
- Tổ chức các buổi seminar/tọa đàm khoa học để người học trình bày và thảo luận về tiến độ nghiên cứu.

- Hướng dẫn người học viết và hoàn thiện đề án.

Bảo vệ và công nhận tốt nghiệp:

- Thành lập hội đồng chấm đề án.
- Tổ chức cho người học bảo vệ đề án trước hội đồng.
- Xét và công nhận tốt nghiệp cho người học đáp ứng đủ các điều kiện.

- Cấp bằng Thạc sĩ cho người học tốt nghiệp.

15.3. Điều kiện tốt nghiệp

- Người học đăng ký học phần vào đầu mỗi kỳ học theo kế hoạch giảng dạy.
- Tham gia học tập, làm bài tập, thực hành, báo cáo chuyên đề theo yêu cầu học phần.
- Tích lũy đủ tín chỉ, đạt chuẩn đầu ra và bảo vệ đề án tốt nghiệp (hoặc luận văn).
- Được xét công nhận tốt nghiệp khi hoàn thành đầy đủ các yêu cầu và nghĩa vụ.

Thực hiện theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT về Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ và Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Tân tạo theo quy định như sau:

- Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ luận văn thạc sĩ đạt yêu cầu từ 5,5 trở lên;
- Đã nộp đề án tốt nghiệp hoàn chỉnh sau khi bảo vệ được hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên;
- Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài;

Hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của cơ sở đào tạo; không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.

16. Các chương trình đào tạo đã đối sánh

Báo cáo đối sánh chương trình đào tạo Thạc sĩ QTKD của Trường Đại học Tân Tạo với các chương trình đào tạo tại Đại học Kinh tế TP. HCM, Đại học Mở TP. HCM, Trường Đại học Ngân Hàng, và Trường Đại học Quốc tế - Đại học Quốc gia TP. HCM:

16.1. Đối sánh CTĐT thạc sĩ QTKD giữa TTU và UEH

Nội dung đối sánh	Trường Đại học Tân Tạo	Đại học Kinh tế TP. HCM	Nhận xét
Mục	Chương trình đào tạo thạc	Chương trình Thạc sĩ	TTU: Nhấn mạnh vào

Nội dung đối sánh	Trường Đại học Tân Tạo	Đại học Kinh tế TP. HCM	Nhận xét
tiêu đào tạo	sĩ Quản trị Kinh doanh (MBA) của Trường Đại học Tân Tạo trang bị cho người học kiến thức chuyên sâu về quản trị kinh doanh, đồng thời phát triển kỹ năng thực hành chuyên nghiệp trong việc tổ chức, điều hành và quản lý doanh nghiệp. Đặc biệt, chương trình chú trọng ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và công nghệ số trong thời đại công nghiệp 4.0, giúp người học nâng cao năng lực phân tích, ra quyết định dựa trên dữ liệu và tối ưu hóa quy trình kinh doanh. Người học sẽ có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và áp dụng công nghệ AI vào giải quyết các vấn đề phức tạp, thúc đẩy đổi mới và phát triển bền vững trong tổ chức.	Quản trị kinh doanh theo hướng ứng dụng sẽ trang bị cho người học kiến thức chuyên sâu trong quản trị điều hành doanh nghiệp, cung cấp cho người học kỹ năng và kiến thức về phương pháp nghiên cứu khoa học tiên tiến trong lĩnh vực quản trị kinh doanh. Thông qua quá trình nghiên cứu mang tính thực tiễn cao, áp dụng phân tích tình huống, nghiên cứu các lý thuyết nền tảng và xu hướng nghiên cứu cập nhật trong từng lĩnh vực chuyên môn, chương trình đào tạo giúp người học hình thành và nâng cao năng lực giải quyết vấn đề trong kinh doanh, tổ chức triển khai nghiên cứu độc lập, và phân tích kết quả nghiên cứu phục vụ cho việc ứng dụng vào thực tiễn hoạt động quản trị kinh doanh của các tổ chức.	ứng dụng AI và công nghệ số, giúp người học thích nghi với xu hướng quản trị hiện đại. UEH: Tập trung vào nghiên cứu khoa học quản trị nhưng chưa đề cập nhiều đến công nghệ số và AI.

Nội dung đối sánh	Trường Đại học Tân Tạo	Đại học Kinh tế TP. HCM	Nhận xét
Chuẩn đầu ra về kiến thức	Người học có khả năng <i>phân tích</i> các thể giới quan, phương pháp luận khoa học và tư duy logic để áp dụng hiệu quả trong quá trình học tập, nghiên cứu suốt đời, nhằm giải quyết các vấn đề phức tạp trong quản trị kinh doanh Người học có khả năng <i>phân tích</i> các lý thuyết quản trị hiện đại, kiến thức nền tảng và chuyên sâu về quản trị kinh doanh, môi trường kinh doanh để đưa ra các quyết định chiến lược và chức năng trong doanh nghiệp Người học có khả năng <i>đánh giá</i> cơ hội kinh doanh, hiệu quả hoạt động doanh nghiệp và các quyết định chiến lược. Đặc biệt, việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và công nghệ số sẽ hỗ trợ tối ưu hóa quy trình quản trị, ra quyết định dựa trên dữ liệu và nâng cao khả năng thích ứng với sự thay đổi của môi trường kinh doanh hiện đại	- Hệ thống các kiến thức chuyên sâu về các hoạt động chức năng trong quản trị điều hành doanh nghiệp như kiến thức về quản trị chiến lược, điều hành, tài chính, chất lượng, nguồn nhân lực,... - Hệ thống các lý thuyết quản trị hiện đại - Kiến thức cập nhật về các mô hình quản trị doanh nghiệp trên thế giới - Tư duy phân tích và giải quyết vấn đề trong khoa học quản trị	TTU: Trang bị kiến thức quản trị hiện đại kết hợp công nghệ AI, giúp tối ưu hóa ra quyết định và quản lý doanh nghiệp. UEH: Cung cấp kiến thức nền tảng vững chắc nhưng thiếu sự nhấn mạnh vào ứng dụng công nghệ số trong quản trị.
Chuẩn	Người học có khả năng	- Nhận diện, phân	TTU: Chú trọng kỹ

Nội dung đối sánh	Trường Đại học Tân Tạo	Đại học Kinh tế TP. HCM	Nhận xét
đầu ra về kỹ năng	<i>đánh giá</i> các kiến thức chuyên ngành để áp dụng hiệu quả vào thực tiễn quản lý doanh nghiệp Người học có khả năng <i>đánh giá</i> và xử lý thông tin, nghiên cứu độc lập để giải quyết và tư vấn các vấn đề thực tiễn trong doanh nghiệp trong thời đại công nghiệp 4.0 Lãnh đạo, tổ chức và quản trị doanh nghiệp một cách hiệu quả Giao tiếp, thuyết trình, đàm phán, thuyết phục và kết nối Trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam	tích và giải quyết các vấn đề trong quá trình điều hành doanh nghiệp một cách hiệu quả và/hoặc khám phá tri thức mới trong quá trình nghiên cứu khoa học; - Phân tích và đánh giá một cách khoa học, sáng tạo các kiến thức chuyên ngành để áp dụng vào thực tiễn quản lý, điều hành các đơn vị kinh doanh hoặc trong quá trình thực hiện các công trình nghiên cứu khoa học; - Tiến hành các nghiên cứu độc lập có tính chất sáng tạo cao để đưa ra quyết định giúp điều hành doanh nghiệp đột phá.	năng thực hành, sáng tạo và lãnh đạo trong môi trường số hóa. UEH: Tập trung vào nghiên cứu và giải quyết vấn đề nhưng chưa đề cập nhiều đến ứng dụng công nghệ trong thực tiễn.
Chuẩn đầu ra năng lực tự chủ và trách nhiệm	Năng lực phát hiện và đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề phức tạp trong doanh nghiệp Định hướng trở thành nhà lãnh đạo, chuyên gia cao cấp trong lĩnh vực kinh doanh và quản lý Trân trọng các giá trị đạo	- Khả năng lên kế hoạch và triển khai đề án thực tiễn một cách độc lập nhằm giải quyết những thách thức hay vấn đề gặp phải trong thực tiễn quản trị kinh doanh - Chủ động thích nghi, tự định hướng và	TTU: Định hướng người học trở thành nhà lãnh đạo sáng tạo, có khả năng đổi mới và thích nghi với công nghệ. UEH: Hướng đến năng lực nghiên cứu độc lập nhưng ít nhấn mạnh vào sáng tạo và đổi mới

Nội dung đối sánh	Trường Đại học Tân Tạo	Đại học Kinh tế TP. HCM	Nhận xét
	đức của dân tộc để nâng cao giá trị cuộc sống	có thể hướng dẫn người khác cách thức xây dựng và triển khai đề án thực tiễn trong quản trị doanh nghiệp - Đúc kết được những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực quản trị doanh nghiệp - Thành thạo trong việc quản lý, đánh giá và cải tiến công việc thực tiễn thuộc chuyên môn.	trong doanh nghiệp.
Khung chương trình	Phần kiến thức chung: 7 TC Phần kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên ngành, tự chọn: 39 TC Thực tập và tốt nghiệp: 14 TC Tổng số tín chỉ: 60 TC	Phần kiến thức chung: 11 TC Phần kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên ngành, tự chọn: 36 TC Đề án tốt nghiệp: 13 TC Tổng số tín chỉ: 60 TC	TTU: Số tín chỉ tương đương nhưng tập trung hơn vào ứng dụng AI và công nghệ số trong quản trị. UEH: Chương trình có nền tảng nghiên cứu vững chắc nhưng chưa tích hợp mạnh công nghệ vào các môn học.
Các học phần giống nhau	Kiến thức chung: Triết học Phương pháp nghiên cứu khoa học Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên ngành: Quản trị chiến lược toàn cầu Quản trị chất lượng toàn diện Quản trị nguồn nhân lực chiến lược Quản trị marketing và thương hiệu		

Nội dung đối sánh	Trường Đại học Tân Tạo	Đại học Kinh tế TP. HCM	Nhận xét
	Tài chính cho nhà quản trị Quản trị rủi ro doanh nghiệp Lãnh đạo chiến lược . Chuyên đề: Đề án kinh doanh thực tiễn . Luận văn/Đề án tốt nghiệp		

16.2. Đối sánh CTĐT thạc sĩ QTKD giữa TTU và OU

Nội dung đối sánh	Trường Đại học Tân Tạo	Trường Đại học Mở TP. HCM	Nhận xét
Mục tiêu đào tạo	Chương trình đào tạo thạc sĩ Quản trị Kinh doanh (MBA) của Trường Đại học Tân Tạo trang bị cho người học kiến thức chuyên sâu về quản trị kinh doanh, đồng thời phát triển kỹ năng thực hành chuyên nghiệp trong việc tổ chức, điều hành và quản lý doanh nghiệp. Đặc biệt, chương trình chú trọng ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và công nghệ số trong thời đại công nghiệp 4.0, giúp người học nâng cao năng lực phân tích, ra quyết định dựa trên dữ liệu và tối ưu hóa quy trình kinh doanh. Người học sẽ có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và áp dụng công	Chương trình đào tạo thạc sĩ Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Mở TP.HCM nhằm phát triển những kiến thức, kỹ năng cũng như mức độ tự chủ và trách nhiệm cần có cho người học để trở thành một nhà quản trị có đủ năng lực làm việc và phát triển được trong môi trường kinh doanh cạnh tranh và toàn cầu hóa. Chương trình đào tạo này, đặc biệt là chương trình đào tạo thạc sĩ định hướng nghiên cứu, còn cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng nghiên cứu cần thiết để làm nghiên cứu viên hoặc tiếp tục học lên các	TTU tập trung vào ứng dụng AI và công nghệ số để tối ưu hóa quy trình kinh doanh và ra quyết định. OU tập trung nhiều vào lý thuyết và nghiên cứu hàn lâm, chưa nhấn mạnh vào công nghệ và đổi mới số.

Nội dung đối sánh	Trường Đại học Tân Tạo	Trường Đại học Mở TP. HCM	Nhận xét
	nghệ AI vào giải quyết các vấn đề phức tạp, thúc đẩy đổi mới và phát triển bền vững trong tổ chức.	bậc học cao hơn	
Chuẩn đầu ra về kiến thức	Người học có khả năng <i>phân tích</i> các thể giới quan, phương pháp luận khoa học và tư duy logic để áp dụng hiệu quả trong quá trình học tập, nghiên cứu suốt đời, nhằm giải quyết các vấn đề phức tạp trong quản trị kinh doanh Người học có khả năng <i>phân tích</i> các lý thuyết quản trị hiện đại, kiến thức nền tảng và chuyên sâu về quản trị kinh doanh, môi trường kinh doanh để đưa ra các quyết định chiến lược và chức năng trong doanh nghiệp Người học có khả năng <i>đánh giá</i> cơ hội kinh doanh, hiệu quả hoạt động doanh nghiệp và các quyết định chiến lược. Đặc biệt, việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và công nghệ số sẽ hỗ trợ tối ưu hóa quy trình quản trị, ra quyết định dựa trên dữ liệu và nâng cao khả năng thích	- Giải quyết được các vấn đề cơ bản phục vụ cho công việc và cuộc sống trong thực tiễn dựa trên những quan điểm khoa học về triết học. - Áp dụng được tư duy lý luận phục vụ nghiên cứu mang tính hàn lâm hoặc thực tiễn bằng các phương pháp hiện đại và phù hợp. - Vận dụng lý thuyết và thực tiễn thuộc ngành Quản trị kinh doanh để giải quyết các vấn đề chuyên môn tại đơn vị công tác. - Xử lý phân tích số liệu về tình hình môi trường, thị trường để phục vụ ra quyết định phát triển doanh nghiệp trong bối cảnh hội nhập quốc tế và sự thay đổi của môi trường. - Thực hiện được các hoạt động quản trị chuyên sâu nhằm đảm	TTU đào tạo chuyên sâu về quản trị kinh doanh với khả năng áp dụng trí tuệ nhân tạo để phân tích và tối ưu hóa hoạt động doanh nghiệp. OU tập trung nhiều vào nghiên cứu và thống kê, chưa chú trọng mạnh vào ứng dụng công nghệ hiện đại trong kinh doanh.

Nội dung đối sánh	Trường Đại học Tân Tạo	Trường Đại học Mở TP. HCM	Nhận xét
	ứng với sự thay đổi của môi trường kinh doanh hiện đại	bảo nguồn nhân lực, tài chính, marketing, tổ chức vận hành của đơn vị ổn định và phát triển theo nhu cầu. - Vận dụng phương pháp nghiên cứu khoa học phù hợp để có thể phát triển được các quan điểm khoa học, các mô hình nghiên cứu mới liên quan đến 1 trong các lĩnh vực: marketing, nhân lực, vận hành, chiến lược phát triển doanh nghiệp	
Chuẩn đầu ra về kỹ năng	Người học có khả năng <i>đánh giá</i> các kiến thức chuyên ngành để áp dụng hiệu quả vào thực tiễn quản lý doanh nghiệp Người học có khả năng <i>đánh giá</i> và xử lý thông tin, nghiên cứu độc lập để giải quyết và tư vấn các vấn đề thực tiễn trong doanh nghiệp trong thời đại công nghiệp 4.0 Lãnh đạo, tổ chức và quản trị doanh nghiệp một cách hiệu quả Giao tiếp, thuyết trình, đàm phán, thuyết phục và	- Có kỹ năng nhận thức, tư duy, giải quyết vấn đề chuyên môn trong công việc - Có kỹ năng tư duy hệ thống và phản biện - Có kỹ năng nhận dạng, ra quyết định để giải quyết vấn đề, đáp ứng được mục tiêu đặt ra - Có khả năng phát triển trong lĩnh vực nghiên cứu hàn lâm hoặc nghề nghiệp chuyên môn về quản trị kinh doanh. - Thực hiện được các chức năng trong quản trị	TTU nhấn mạnh vào kỹ năng thực hành, lãnh đạo, xử lý dữ liệu, tư duy logic, và sử dụng ngoại ngữ chuyên ngành. OU trang bị nhiều kỹ năng nghiên cứu, phản biện và hệ thống nhưng chưa thực sự nhấn mạnh vào đổi mới công nghệ và kỹ năng lãnh đạo.

Nội dung đối sánh	Trường Đại học Tân Tạo	Trường Đại học Mở TP. HCM	Nhận xét
	kết nối Trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam	(hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm soát) và xử lý được những tình huống phát sinh. - Thiết kế nghiên cứu, tổ chức thu thập thông tin, phân tích xử lý và viết báo cáo kết quả nghiên cứu, sử dụng thành thạo phần mềm thống kê trong nghiên cứu các khía cạnh chuyên môn thuộc lĩnh vực quản trị kinh doanh. - Có kỹ năng giao tiếp ứng xử, trình bày và thương thuyết; kỹ năng làm việc và lãnh đạo nhóm làm việc; kỹ năng quản lý thời gian - Có kỹ năng giao tiếp hiệu quả, có lắng nghe, trình bày, thảo luận và thuyết phục người khác - Có khả năng sử dụng ngoại ngữ: đạt trình độ trình độ ngoại ngữ bậc 4/6 khung năng lực 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Quy chế ban hành kèm Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021.	

Nội dung đối sánh	Trường Đại học Tân Tạo	Trường Đại học Mở TP. HCM	Nhận xét
		- Có năng lực làm việc hợp tác theo nhóm và lãnh đạo nhóm: có khả năng làm việc hợp tác và thích nghi trong nhóm, có sức ảnh hưởng đến những người cùng cộng tác, có khả năng dẫn dắt và lãnh đạo nhóm	
Chuẩn đầu ra năng lực tự chủ và trách nhiệm	Năng lực phát hiện và đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề phức tạp trong doanh nghiệp Định hướng trở thành nhà lãnh đạo, chuyên gia cao cấp trong lĩnh vực kinh doanh và quản lý Trân trọng các giá trị đạo đức của dân tộc để nâng cao giá trị cuộc sống	- Có khả năng học hỏi suốt đời, thích nghi với sự thay đổi, đưa ra những sáng kiến quan trọng; có khả năng tự đổi mới - Có đạo đức nghề nghiệp tốt, trung thực và tự chịu trách nhiệm trước những hành vi và quyết định của mình trong công việc; có ý thức bảo vệ môi trường, thể hiện trách nhiệm của cá nhân và người đại diện doanh nghiệp đối với xã hội, cộng đồng..	TTU hướng đến đào tạo chuyên gia, nhà lãnh đạo với tư duy đổi mới và trách nhiệm cao trong kinh doanh. OU có xu hướng đào tạo những nhà nghiên cứu hơn là những nhà lãnh đạo thực tiễn trong doanh nghiệp.
Khung chương trình	Phần kiến thức chung: 7 TC Phần kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên ngành, tự chọn: 39 TC Thực tập và tốt nghiệp: 14	Phần kiến thức chung: 4 TC Phần kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên ngành, tự chọn: 41 TC Thực tập và tốt nghiệp:	

Nội dung đối sánh	Trường Đại học Tân Tạo	Trường Đại học Mở TP. HCM	Nhận xét
	TC Tổng số tín chỉ: 60 TC	15 TC Tổng số tín chỉ: 60 TC	
Các học phần giống nhau	Kiến thức chung: . Triết học . Phương pháp nghiên cứu khoa học Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên ngành: . Quản trị chiến lược . Quản trị chất lượng . Quản trị nguồn nhân lực . Quản trị marketing và thương hiệu . Quản trị tài chính . Nghệ thuật lãnh đạo . Quản trị kinh doanh quốc tế . Luận văn/Đề án tốt nghiệp		

16.3. Đối sánh CTĐT thạc sĩ QTKD giữa TTU và HBU

Nội dung đối sánh	Trường Đại học Tân Tạo	Đại học Ngân hàng TP. HCM	Nhận xét
Chuẩn đầu ra về kiến thức	Người học có khả năng <i>phân tích</i> các thể giới quan, phương pháp luận khoa học và tư duy logic để áp dụng hiệu quả trong quá trình học tập, nghiên cứu suốt đời, nhằm giải quyết các vấn đề phức tạp trong quản trị kinh doanh Người học có khả năng <i>phân tích</i> các lý thuyết quản trị hiện đại, kiến thức	- Có kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến, nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực Quản trị kinh doanh. - Có kiến thức liên ngành để vận dụng trong lĩnh vực Quản trị kinh doanh.	TTU tập trung vào khả năng ứng dụng AI và công nghệ số để tối ưu hóa quản trị doanh nghiệp. HBU chủ yếu cung cấp kiến thức truyền thống về quản trị kinh doanh, chưa nhấn mạnh vào xu hướng công nghệ mới.

Nội dung đối sánh	Trường Đại học Tân Tạo	Đại học Ngân hàng TP. HCM	Nhận xét
	nền tảng và chuyên sâu về quản trị kinh doanh, môi trường kinh doanh để đưa ra các quyết định chiến lược và chức năng trong doanh nghiệp - Người học có khả năng <i>đánh giá</i> cơ hội kinh doanh, hiệu quả hoạt động doanh nghiệp và các quyết định chiến lược. Đặc biệt, việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và công nghệ số sẽ hỗ trợ tối ưu hóa quy trình quản trị, ra quyết định dựa trên dữ liệu và nâng cao khả năng thích ứng với sự thay đổi của môi trường kinh doanh hiện đại	- Có kiến thức chung về quản trị và quản lý để vận hành tại các tổ chức/doanh nghiệp trong bối cảnh chuyển đổi số.	
Chuẩn đầu ra về kỹ năng	Người học có khả năng <i>đánh giá</i> các kiến thức chuyên ngành để áp dụng hiệu quả vào thực tiễn quản lý doanh nghiệp Người học có khả năng <i>đánh giá</i> và xử lý thông tin, nghiên cứu độc lập để giải quyết và tư vấn các vấn đề thực tiễn trong doanh nghiệp trong thời đại công nghiệp 4.0 Lãnh đạo, tổ chức và quản	- Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học. - Có kỹ năng nghiên cứu phát triển và sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo. - Có kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động nghề	TTU chú trọng vào kỹ năng thực tế như nghiên cứu độc lập, xử lý thông tin, và lãnh đạo trong bối cảnh công nghiệp 4.0. HBU tập trung nhiều vào kỹ năng tổng quát, thiếu nhấn mạnh vào khả năng ứng dụng công nghệ hiện đại trong quản lý.

Nội dung đối sánh	Trường Đại học Tân Tạo	Đại học Ngân hàng TP. HCM	Nhận xét
	trị doanh nghiệp một cách hiệu quả Giao tiếp, thuyết trình, đàm phán, thuyết phục và kết nối - Trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam	ngành tiên tiến trong bối cảnh chuyển đổi số. - Có kỹ năng truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với người cùng ngành và với những người khác ngành; Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.	
Chuẩn đầu ra năng lực tự chủ và trách nhiệm	Năng lực phát hiện và đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề phức tạp trong doanh nghiệp Định hướng trở thành nhà lãnh đạo, chuyên gia cao cấp trong lĩnh vực kinh doanh và quản lý Trân trọng các giá trị đạo đức của dân tộc để nâng cao giá trị cuộc sống -	- Có khả năng nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng về Quản trị kinh doanh. - Có khả năng thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác. - Có khả năng đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia; Tham gia quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động Quản trị kinh doanh.	TTU định hướng đào tạo nhà lãnh đạo, chuyên gia cao cấp với tư duy đổi mới và khả năng đưa ra quyết định chiến lược. HBU có thiên hướng đào tạo rộng, ít nhấn mạnh vào khả năng lãnh đạo và ra quyết định mang tính đổi mới.
Khung chương trình	Phần kiến thức chung: 7 TC Phần kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên ngành,	Phần kiến thức chung: 4 TC Phần kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên	

Nội dung đối sánh	Trường Đại học Tân Tạo	Đại học Ngân hàng TP. HCM	Nhận xét
	tự chọn: 39 TC Thực tập và tốt nghiệp: 14 TC Tổng số tín chỉ: 60 TC	ngành, tự chọn: 42 TC Thực tập và tốt nghiệp: 14 TC Tổng số tín chỉ: 60 TC	
Các học phần giống nhau	Kiến thức chung: Triết học Phương pháp nghiên cứu khoa học Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên ngành: Tài chính cho nhà quản trị Quản trị chiến lược Quản trị nguồn nhân lực chiến lược Lãnh đạo Quản trị Marketing – thương hiệu Hành vi tổ chức Trải nghiệm thực tiễn .Luận văn/Đề án tốt nghiệp		

16.4. Đối sánh CTĐT thạc sĩ QTKD giữa TTU và HCMIU

Nội dung đối sánh	Trường Đại học Tân Tạo	Trường Đại học Quốc tế	Nhận xét
Kiến thức	Cung cấp kiến thức lý thuyết sâu rộng, hiện đại về quản trị và thực tiễn trong môi trường kinh doanh, giúp người học có khả năng tổng hợp và vận dụng thành thạo các nguyên lý, học thuyết vào hoạt động quản lý và điều hành tổ chức một cách khoa học, chuyên nghiệp Trang bị kiến thức nâng cao, chuyên sâu về quản trị kinh doanh. Bên cạnh đó, chương trình tích hợp ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và công nghệ số nhằm nâng cao năng lực phân tích, tối ưu hóa quy trình quản lý và ra quyết định dựa trên dữ liệu, đáp ứng nhu cầu phát triển trong kỷ nguyên công nghiệp 4.0.	Cung cấp cho người học những kiến thức mở rộng, nâng cao và cập nhật về quản trị kinh doanh trên nền tảng những kiến thức đã được giảng dạy tại bậc đại học bao gồm những kiến thức về thống kê kinh doanh, quản trị tài chính, quản trị chiến lược, marketing, kế toán và quản trị khách hàng. Đồng thời, chương trình cũng cung cấp những kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học để sau khi tốt nghiệp người học có thể tiếp tục theo học chương trình tiến sĩ ngành Quản trị Kinh doanh	TTU tích hợp AI và công nghệ số vào chương trình, giúp nâng cao năng lực phân tích và tối ưu hóa quy trình quản lý. HCMIU tập trung nhiều vào các kiến thức truyền thống về quản trị kinh doanh, ít nhấn mạnh vào ứng dụng công nghệ mới.
Kỹ năng	Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề của doanh nghiệp một cách khoa học. Trang bị kỹ năng lãnh đạo, tổ chức, quản trị và quản	Trang bị cho người học kỹ năng tư duy phân tích, nghiên cứu, đánh giá các vấn đề và chính sách kinh tế, xã hội, môi trường; có kỹ năng thuyết trình, trình bày ý tưởng; báo cáo, xây	TTU chú trọng vào kỹ năng nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ trong kinh doanh, đồng thời trang bị kỹ năng ngoại ngữ chuyên sâu.

Nội dung đối sánh	Trường Đại học Tân Tạo	Trường Đại học Quốc tế	Nhận xét
	lý các hoạt động của tổ chức một cách chuyên nghiệp. Trang bị kỹ năng giao tiếp và truyền đạt tri thức một cách thức thuyết phục để làm việc trong môi trường hội nhập quốc tế. Trang bị kỹ năng nghiên cứu, phát triển và sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo trong hoạt động kinh doanh. Tích hợp kiến thức ngoại ngữ chuyên ngành để người học có thể sử dụng thành thạo trong hoạt động quản trị kinh doanh.	dựng và thực hiện dự án; tổng hợp và giải quyết vấn đề đặt ra trong thực tế; có kỹ năng vận dụng các công cụ thống kê vào hoạt động thực tiễn; làm việc nhóm và độc lập một cách hiệu quả	HCMIU tập trung nhiều vào kỹ năng phân tích chính sách kinh tế, xã hội nhưng chưa thực sự nhấn mạnh vào công nghệ và đổi mới sáng tạo.
Khung chương trình	Phần kiến thức chung: 7 TC Phần kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên ngành, tự chọn: 39 TC Thực tập và tốt nghiệp: 14 TC Tổng số tín chỉ: 60 TC	Phần kiến thức chung: 4 TC Phần kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên ngành, tự chọn: 42 TC Thực tập và tốt nghiệp: 14 TC Tổng số tín chỉ: 60 TC	TTU có sự cân bằng giữa kiến thức chung và chuyên ngành, với trọng tâm vào thực tiễn và công nghệ. HCMIU có ít tín chỉ phần kiến thức chung hơn, có thể ảnh hưởng đến nền tảng lý luận và tư duy đa ngành của người học.

Nội dung đối sánh	Trường Đại học Tân Tạo	Trường Đại học Quốc tế	Nhận xét
Các học phần giống nhau	Kiến thức chung: . Triết học . Phương pháp nghiên cứu khoa học Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên ngành: . Tài chính cho nhà quản trị . Quản trị chiến lược . Quản trị nguồn nhân lực chiến lược . Quản trị vận hành và chuỗi cung ứng . Lãnh đạo . Quản trị Marketing – thương hiệu . Quản trị kinh doanh quốc tế . Quản trị đa văn hóa . Trải nghiệm thực tiễn . Luận văn/Đề án tốt nghiệp		

16.5. Đối sánh CTĐT thạc sĩ QTKD giữa TTU và RMIT

Nội dung đối sánh	Trường Đại học Tân Tạo	RMIT	Nhận xét
Chuẩn đầu ra về kiến thức	Người học có khả năng <i>phân tích</i> các thể giới quan, phương pháp luận khoa học và tư duy logic để áp dụng hiệu quả trong quá trình học tập, nghiên cứu suốt đời, nhằm giải quyết các vấn đề phức tạp trong quản trị kinh doanh Người học có khả năng <i>phân tích</i> các lý thuyết quản trị hiện đại, kiến thức nền tảng và chuyên sâu về quản trị kinh doanh, môi trường kinh doanh để đưa ra các quyết định chiến lược và chức năng trong doanh nghiệp - Người học có khả năng <i>đánh giá</i> cơ hội kinh doanh, hiệu quả hoạt động doanh nghiệp và các quyết định chiến lược. Đặc biệt, việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và công nghệ số sẽ hỗ trợ tối ưu hóa quy trình quản trị, ra quyết định dựa trên dữ liệu và nâng cao khả năng thích ứng với sự thay đổi của môi trường kinh doanh hiện đại	Đánh giá một cách phê phán và phản ánh về các vấn đề, lý thuyết và thực tiễn đương đại trong môi trường kinh doanh phức tạp và không chắc chắn. Áp dụng tư duy thiết kế và các công cụ phân tích để phát triển các giải pháp đổi mới cho các vấn đề kinh doanh. Phát triển năng lực lãnh đạo và nâng cao trình độ công nghệ với nhận thức về các tác động pháp lý, đạo đức, xã hội, kinh tế và môi trường trong thời đại gián đoạn kỹ thuật số. Thể hiện kỹ năng giao tiếp ở mức độ cao, bao gồm hợp tác, tư vấn, tư duy phản biện và giao tiếp thuyết phục (bằng lời nói và văn bản) trong nhiều bối cảnh khác nhau. Kết hợp lý thuyết với thực tiễn thực tế và duy trì, mở rộng kiến thức chuyên môn.	TTU tập trung vào ứng dụng AI và công nghệ số để tối ưu hóa quy trình quản trị doanh nghiệp và ra quyết định dựa trên dữ liệu. RMIT nhấn mạnh vào tư duy phản biện và đổi mới, nhưng chưa đề cập nhiều đến việc tích hợp AI một cách trực tiếp vào quá trình quản trị.

Nội dung đối sánh	Trường Đại học Tân Tạo	RMIT	Nhận xét
Chuẩn đầu ra về kỹ năng	Người học có khả năng <i>đánh giá</i> các kiến thức chuyên ngành để áp dụng hiệu quả vào thực tiễn quản lý doanh nghiệp Người học có khả năng <i>đánh giá</i> và xử lý thông tin, nghiên cứu độc lập để giải quyết và tư vấn các vấn đề thực tiễn trong doanh nghiệp trong thời đại công nghiệp 4.0 Lãnh đạo, tổ chức và quản trị doanh nghiệp một cách hiệu quả Giao tiếp, thuyết trình, đàm phán, thuyết phục và kết nối - Trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam	Áp dụng các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu vào các vấn đề kinh doanh và đưa ra các đánh giá hợp lý về thực tiễn kinh doanh đương đại.	TTU nhấn mạnh vào kỹ năng nghiên cứu độc lập, xử lý thông tin, lãnh đạo và khả năng giao tiếp chuyên nghiệp trong môi trường quốc tế. RMIT chú trọng vào tư duy thiết kế và đổi mới nhưng không quá nhấn mạnh vào nghiên cứu khoa học trong quản trị kinh doanh.
Chuẩn đầu ra năng lực tự chủ và trách nhiệm	Năng lực phát hiện và đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề phức tạp trong doanh nghiệp Định hướng trở thành nhà lãnh đạo, chuyên gia cao cấp trong lĩnh vực kinh doanh và quản lý Trân trọng các giá trị đạo đức của dân tộc để nâng		TTU định hướng người học trở thành chuyên gia, nhà lãnh đạo với trách nhiệm cao trong lĩnh vực kinh doanh. RMIT có cách tiếp cận linh hoạt nhưng không tập trung nhiều vào việc đào tạo chuyên gia chuyên sâu trong ngành quản trị kinh doanh.

Nội dung đối sánh	Trường Đại học Tân Tạo	RMIT	Nhận xét
	cao giá trị cuộc sống -		
Các học phần giống nhau	. Tài chính cho nhà quản trị . Quản trị chiến lược . Quản trị nguồn nhân lực chiến lược . Lãnh đạo . Quản trị Marketing – thương hiệu . Quản lý rủi ro số và an ninh thông tin . Chuyển đổi số và Trải nghiệm khách hàng . Lãnh đạo AI và Chuyển đổi lực lượng lao động . Thương hiệu cá nhân và Lãnh đạo đích thực . Luận văn/Đề án tốt nghiệp		

16.6. Bảng so sánh học phần giống và khác giữa TTU với các trường đại học khác

Đại học Tân Tạo (Dự kiến)	Đại học Kinh tế TP. HCM	Đại học Mở HCM	Đại học Ngân hàng TP. HCM	Đại học Quốc Tế - ĐHQG gia HCM	RMIT	Stanford University	Cornell University
Triết học	Ngoại ngữ		Ngoại ngữ				
	Triết học	Triết học	Triết học	Triết học			
Phương pháp trong NCKH kinh doanh	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Phương pháp trong kinh doanh NC	Nghiên cứu định lượng trong KD	Phương pháp nghiên cứu khoa học			
		Kinh tế học quản lý	-	Kinh tế học quản lý		Kinh tế vĩ mô	Kinh tế vĩ mô cho quản trị
						Kinh tế vĩ mô	
		Quản trị tài chính		Quản trị tài chính		Tài chính 1	Tài chính quản trị
				Quản trị tài chính doanh nghiệp		Tài chính 2	
Tài chính nâng cao cho nhà quản trị	Tài chính nâng cao cho nhà quản trị		Tài chính cho nhà quản trị	Quản trị quỹ đầu tư mạo hiểm và vốn cá nhân		Quản trị tài chính	
				Chiến lược tài chính	Phân tích tài chính cho các	Kế toán tài chính	Kế toán tài chính

Đại học Tân Tạo (Dự kiến)	Đại học Kinh tế TP. HCM	Đại học Mở	Đại học Ngân hàng TP. HCM	Đại học Quốc Tế - ĐH Quốc gia HCM	RMIT	Stanford University	Cornell University
					quyết định quản trị		
Quản trị nguồn nhân lực chiến lược	Quản trị nguồn nhân lực mang tính chiến lược	Quản trị nguồn nhân lực	Quản trị nguồn nhân lực chiến lược	Quản trị nguồn nhân lực	Quản trị nguồn nhân lực toàn cầu	Quản trị nguồn nhân lực	
Quản trị vận hành và chuỗi cung ứng	Quản trị điều hành năng cao	Quản trị vận hành và chuỗi cung ứng	Quản trị vận hành năng cao	Quản trị vận hành và chuỗi cung ứng		Quản trị vận hành	Quản trị vận hành
Quản trị chiến lược toàn cầu	Quản trị chiến lược năng cao	Quản trị chiến lược toàn cầu	Quản trị chiến lược năng cao	Quản trị chiến lược năng cao	Quản trị chiến lược	Quản trị chiến lược	Quản trị chiến lược
Chiến lược Marketing và thương hiệu	Chiến lược Marketing năng cao	Quản trị Marketing chiến lược	Chiến lược Marketing và thương hiệu	Quản trị Marketing	Marketing cho nhà quản trị	Quản trị Marketing	Quản trị Marketing
		Quản trị thương hiệu chiến lược		Marketing dịch vụ			
		Marketing quốc tế		Marketing quốc tế			

Đại học Tân Tạo (Dự kiến)	Đại học Kinh tế TP. HCM	Đại học Mở	Đại học Ngân hàng TP. HCM	Đại học Quốc Tế - ĐH Quốc gia HCM	RMIT	Stanford University	Cornell University
		Marketing số	Truyền thông marketing tích hợp số				
				Phát triển sản phẩm mới			
Quản trị đổi mới và khởi nghiệp	Quản trị khởi nghiệp						
	Quản trị sáng tạo và đổi mới	Sáng tạo và khởi nghiệp	Quản trị hiện đại và đổi mới sáng tạo				
Lãnh đạo chiến lược	Lãnh đạo	Nghệ thuật lãnh đạo	Lãnh đạo trong kỷ nguyên số	Phát triển kỹ năng lãnh đạo	Lãnh đạo và quản lý	Lãnh đạo trong bối cảnh nhân viên đa giá trị	
						Phong cách lãnh đạo	
	Chiến lược trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp		Kinh doanh, đạo đức và xã hội			

Đại học Tân Tạo (Dự kiến)	Đại học Kinh tế TP. HCM	Đại học Mở	Đại học Ngân hàng TP. HCM	Đại học Quốc Tế - ĐH Quốc gia HCM	RMIT	Stanford University	Cornell University
Mô hình kinh doanh điện tử	Mô hình kinh doanh điện tử	Thương mại điện tử Quản trị hệ thống thông tin	Thương mại điện tử và kinh doanh số	Marketing số và thương mại điện tử			
Ứng dụng Trí tuệ nhân tạo và Dữ liệu lớn trong KD	Phân tích dữ liệu kinh doanh	Phân tích dữ liệu định lượng	Phân tích dữ liệu trong tài chính kinh doanh	Thống kê trong kinh doanh		Phân tích dữ liệu và quyết định	Mô hình và phân tích dữ liệu
			Ứng dụng Blockchain trong quản trị kinh doanh			Quản trị thông tin	
			Quản trị và khai thác dữ liệu lớn	Phân tích số liệu và dự báo thị trường - ứng dụng Big data			
Quản trị kinh doanh quốc tế		Quản trị kinh doanh quốc tế		Quản trị Kinh doanh quốc tế			
Quản trị doanh		Quản trị sự					

Đại học Tân Tạo (Dự kiến)	Đại học Kinh tế TP. HCM	Đại học Mở	Đại học Ngân hàng TP. HCM	Đại học Quốc Tế - ĐH Quốc gia HCM	RMIT	Stanford University	Cornell University
ngành vừa và nhỏ		thay đổi					
			Phát triển tổ chức				
Quản trị rủi ro trong doanh nghiệp	Quản trị rủi ro trong DN						
Quản trị chất lượng toàn diện	Quản trị chất lượng nâng cao						
Quản trị đa văn hóa				Quản trị đa văn hóa			
	Tư duy phân tích và giải quyết vấn đề			Kỹ năng đàm phán và giải quyết vấn đề	Tư duy thiết kế cho kinh doanh	Tư duy phản biện và chiến lược	
		Quản trị dự án	Quản trị dự án nâng cao				
		Quản trị kinh doanh dịch vụ					
	Triển khai chiến lược chuyên sâu						

Đại học Tân Tạo (Dự kiến)	Đại học Kinh tế TP. HCM	Đại học Mở	Đại học Ngân hàng TP. HCM	Đại học Quốc Tế - ĐH Quốc gia HCM	RMIT	Stanford University	Cornell University
			Luật kinh doanh				
					Tư vấn kinh doanh		
Hành vi tổ chức						Quản trị đội và nhóm	Lãnh đạo nhóm
			Hành vi tổ chức			Hành vi tổ chức	
						Tối ưu hóa và mô hình mô phỏng	
					Chuyên ngành Chuyển đổi số		
					Đổi mới số		
					Tương lai công nghệ		
					Quản lý công nghệ và đổi mới		
Quản lý rủi ro số					Quản lý rủi ro số		

Đại học Tân Tạo (Dự kiến)	Đại học Kinh tế TP. HCM	Đại học Mở	Đại học Ngân hàng TP. HCM	Đại học Quốc Tế - ĐH Quốc gia HCM	RMIT	Stanford University	Cornell Universi ty
và an ninh thông tin					và an ninh thông tin		
					Giới thiệu về Công nghệ Tài chính		
					Đổi mới sản phẩm và Chiến lược kinh doanh số		
					Khởi nghiệp số		
Chuyển đổi số và Trải nghiệm khách hàng					Chuyển đổi số và Trải nghiệm khách hàng		
					Các vấn đề về đa dạng		
					Chuyên ngành Lãnh đạo		
Thương hiệu cá nhân và Lãnh đạo đích thực					Thương hiệu cá nhân và Lãnh đạo đích thực		

Đại học Tân Tạo (Dự kiến)	Đại học Kinh tế TP. HCM	Đại học Mở	Đại học Ngân hàng TP. HCM	Đại học Quốc Tế - ĐH Quốc gia HCM	RMIT	Stanford University	Cornell Universi ty
					Các vấn đề lãnh đạo trong quản trị quốc tế		
					Quản trị doanh nghiệp và Lãnh đạo có trách nhiệm		
					Con người và tổ chức		
					Lãnh đạo trong kỹ nguyên kỹ thuật số		
Lãnh đạo AI và Chuyển đổi lực lượng lao động					Lãnh đạo AI và Chuyển đổi lực lượng lao động		
					Khởi nghiệp số		
					Chuyển đổi số và Trải nghiệm khách hàng		
					Các vấn đề về đa		

Đại học Tân Tạo (Dự kiến)	Đại học Kinh tế TP. HCM	Đại học Mở	Đại học Ngân hàng TP. HCM	Đại học Quốc Tế - HCM	RMIT	Stanford University	Cornell University
					dạng		
			Trải nghiệm nghề nghiệp (4 TC)				
Trải nghiệm thực tiễn (6 TC) và Đề án tốt nghiệp (8 TC)	Luận văn (14 TC)	Luận văn tốt nghiệp (15 TC)	Đề án tốt nghiệp (9 TC)	Luận văn tốt nghiệp (15 TC)			

* Nhận xét về kết quả đối sánh chương trình MBA của TTU

Kết quả đối sánh cho thấy chương trình Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh của Trường Đại học Tân Tạo (TTU) không chỉ đảm bảo tương đương về cấu trúc và khối lượng đào tạo (60 tín chỉ) so với các trường đại học danh tiếng khác, mà còn thể hiện nhiều **điểm vượt trội nổi bật về định hướng nội dung, triết lý đào tạo và năng lực đầu ra**, cụ thể:

1. Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số và trí tuệ nhân tạo (AI)

• TTU là trường **duy nhất trong các đơn vị được đối sánh** tích hợp sâu **AI, Dữ liệu lớn và chuyển đổi số** vào chương trình MBA. Các học phần như “Ứng dụng Trí tuệ nhân tạo và Dữ liệu lớn trong kinh doanh”, “Lãnh đạo AI và chuyển đổi lực lượng lao động”, “Chuyển đổi số và trải nghiệm khách hàng”... thể hiện **xu hướng hiện đại, tiên phong** mà ít chương trình khác có được.

2. Định hướng đổi mới sáng tạo và phát triển bền vững

• Chương trình không chỉ tập trung vào kỹ năng quản trị truyền thống mà còn hướng đến các lĩnh vực chiến lược như **khởi nghiệp, kinh tế tuần hoàn, quản trị bền vững và thương hiệu cá nhân – lãnh đạo đích thực**, đáp ứng tốt yêu cầu nhân sự chất lượng cao trong giai đoạn hội nhập và cạnh tranh toàn cầu.

3. Triết lý giáo dục khai phóng, cá nhân hóa người học

• TTU chú trọng **phát triển tư duy phản biện, năng lực lãnh đạo và tính sáng tạo**. Định hướng “Học để lãnh đạo, sáng tạo và phục vụ xã hội” được cụ thể hóa qua việc thiết kế chuẩn đầu ra mang tính tích hợp: kiến thức – kỹ năng – năng lực tự chủ.

4. Chuẩn đầu ra toàn diện và thực tiễn

- Người học từ chương trình MBA tại TTU có khả năng:
 - Tư duy chiến lược và ra quyết định dựa trên dữ liệu (data-driven decision-making);
 - Áp dụng linh hoạt kiến thức chuyên ngành vào thực tiễn quản trị doanh nghiệp;
 - Làm việc hiệu quả trong môi trường toàn cầu và sử dụng tiếng Anh thành thạo (trình độ bậc 4/6);
 - Phát hiện và giải quyết vấn đề ở cấp độ chuyên gia, đồng thời thể hiện tinh thần đổi mới và trách nhiệm xã hội cao.

5. Hợp tác doanh nghiệp và quốc tế hóa

• TTU trực thuộc Tập đoàn Tân Tạo – một lợi thế lớn trong việc kết nối người học với thực tiễn doanh nghiệp. Đồng thời, với triết lý giáo dục theo chuẩn Hoa Kỳ, TTU tạo nền tảng vững chắc để **người học tiếp cận môi trường học thuật và nghề nghiệp quốc tế**.

Kết quả đối sánh với các chương trình MBA của các trường đại học hàng đầu như UEH, OU, HBU, HCMIU và RMIT cho thấy **chương trình Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh**

của Trường Đại học Tân Tạo (TTU) có nhiều **điểm nổi bật và vượt trội**, đặc biệt là **định hướng ứng dụng rõ rệt**, cụ thể:

1. Định hướng ứng dụng nổi bật và nhất quán

Chương trình MBA tại TTU được thiết kế theo hướng **ứng dụng chuyên sâu**, giúp người học vận dụng hiệu quả kiến thức vào thực tiễn quản lý doanh nghiệp. Các học phần như:

- *Ứng dụng Trí tuệ nhân tạo và Dữ liệu lớn trong kinh doanh,*
- *Seminar chuyên đề: Đề án kinh doanh thực tiễn,*
- *Đề án tốt nghiệp,*

Đều yêu cầu người học phân tích, giải quyết vấn đề thực tế, trình bày giải pháp và triển khai kế hoạch tại doanh nghiệp cụ thể. Đây là điểm nổi bật giúp chương trình **gắn liền với thực tiễn thị trường và nhu cầu tuyển dụng**.

2. Tích hợp công nghệ hiện đại vào quản trị kinh doanh

TTU là trường tiên phong trong việc đưa **trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), và chuyển đổi số (Digital Transformation)** vào chương trình MBA. Điều này giúp người học:

- Ra quyết định dựa trên dữ liệu (data-driven decisions),
- Tối ưu hóa quy trình quản lý,
- Nâng cao khả năng thích ứng với môi trường kinh doanh biến động và số hóa.

So với các chương trình khác (UEH, OU, HBU...), nội dung này chưa được tích hợp rõ ràng hoặc còn hạn chế.

3. Phát triển toàn diện kỹ năng và phẩm chất nghề nghiệp

Chương trình đào tạo tại TTU không chỉ hướng đến việc nâng cao kỹ năng quản trị cốt lõi như:

- Phân tích – đánh giá – giải quyết vấn đề,
- Lãnh đạo tổ chức và giao tiếp đa văn hóa,
- Ứng dụng ngoại ngữ chuyên ngành,

mà còn chú trọng đến **năng lực tự chủ, tinh thần trách nhiệm, tư duy đổi mới và đạo đức nghề nghiệp**, phù hợp với yêu cầu phát triển nguồn nhân lực lãnh đạo trong bối cảnh toàn cầu hóa.

4. Hỗ trợ cá nhân hóa lộ trình học và phát triển sự nghiệp

Với thiết kế linh hoạt theo định hướng **nghiên cứu và ứng dụng**, người học có thể lựa chọn các học phần tự chọn phù hợp với mục tiêu nghề nghiệp như:

- Lãnh đạo AI,
- Kinh tế tuần hoàn,
- Báo cáo phát triển bền vững,
- Mô hình kinh doanh điện tử...

Chương trình còn liên thông với chương trình 4+1, mở ra cơ hội học nhanh – làm sớm, đặc biệt phù hợp với người học trẻ có định hướng phát triển sự nghiệp sớm.

5. So sánh tổng thể với các trường khác

Tiêu chí đối sánh	TTU	Các trường khác (UEH, OU, HBU, RMIT...)
Ứng dụng AI & công nghệ số	Có, rõ ràng và chuyên sâu	Thiếu hoặc chỉ đề cập chung
Định hướng ứng dụng	Rõ ràng với học phần thực tiễn cụ thể	Thiên về nghiên cứu hoặc lý thuyết
Kỹ năng mềm và ngoại ngữ	Phát triển toàn diện	Một số trường chưa rõ ràng hoặc hạn chế
Mục tiêu nghề nghiệp	Đào tạo nhà quản trị sáng tạo, toàn cầu	Tập trung nhiều vào nghiên cứu học thuật
Tư duy đổi mới sáng tạo	Được tích hợp trong chương trình	Không phải trọng tâm

Kết luận

Chương trình MBA của Trường Đại học Tân Tạo không chỉ đáp ứng đầy đủ các yêu cầu chuẩn đầu ra theo quy định, mà còn **vượt trội về tính thực tiễn, ứng dụng công nghệ và phát triển kỹ năng quản trị hiện đại**. Với định hướng ứng dụng rõ ràng, chương trình sẽ là **bộ phóng hiệu quả cho những nhà quản trị tương lai** muốn làm chủ tri thức, thích nghi với sự thay đổi và dẫn dắt sự phát triển bền vững trong thời đại chuyển đổi số.

17. Điều kiện tối thiểu thực hiện chương trình đào tạo

17.1. Đội ngũ giảng viên

Trường Đại học Tân Tạo hiện có đội ngũ giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng có trình độ từ thạc sĩ trở lên, trong đó nhiều giảng viên đã hoàn tất chương trình đào tạo tiến sĩ tại các cơ sở giáo dục uy tín trong và ngoài nước. Đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy chương trình Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh có chuyên môn sâu rộng trong các lĩnh vực quản trị chiến lược, tài chính, marketing, công nghệ số, phân tích dữ liệu, đổi mới sáng tạo và lãnh đạo tổ chức.

Bên cạnh nền tảng học thuật vững chắc, nhiều giảng viên đã từng đảm nhiệm các vị trí quản lý trong doanh nghiệp, tập đoàn đa quốc gia, tổ chức phi lợi nhuận hoặc cơ quan nhà nước, đồng thời có kinh nghiệm tham gia tư vấn, đào tạo và triển khai các dự án thực tế trong lĩnh vực quản trị và kinh doanh. Nhờ đó, hoạt động giảng dạy tại trường luôn gắn liền giữa lý thuyết và thực tiễn, giúp người học phát triển năng lực tư duy chiến lược, kỹ

năng lãnh đạo và khả năng thích ứng với môi trường kinh doanh toàn cầu.

Nhà trường cũng thường xuyên mời các chuyên gia, nhà quản trị cấp cao và doanh nhân tham gia giảng dạy các học phần chuyên đề, chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn, cập nhật xu hướng quản trị hiện đại và đồng hành cùng người học trong các dự án, nghiên cứu hoặc luận văn tốt nghiệp. Đội ngũ giảng viên còn tích cực tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học về kinh doanh số, quản trị bền vững, hành vi tổ chức, khởi nghiệp sáng tạo và ứng dụng công nghệ trong điều hành doanh nghiệp.

Việc xây dựng và duy trì đội ngũ giảng viên có chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm thực tiễn và năng lực nghiên cứu tốt là một trong những yếu tố cốt lõi bảo đảm chất lượng đào tạo của chương trình MBA tại Trường Đại học Tân Tạo.

17.2. Cơ sở vật chất

Cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh tại Trường Đại học Tân Tạo được đầu tư hiện đại, đồng bộ và đáp ứng tốt yêu cầu học tập, nghiên cứu và phát triển kỹ năng nghề nghiệp của người học theo định hướng ứng dụng thực tiễn.

- Phòng học lý thuyết và thảo luận chuyên đề được trang bị máy chiếu, bảng thông minh, hệ thống âm thanh ánh sáng tiêu chuẩn, kết nối internet tốc độ cao. Không gian lớp học được thiết kế linh hoạt, hỗ trợ cho các phương pháp giảng dạy tích cực như học theo tình huống (case study), thảo luận nhóm, mô phỏng dự án và thuyết trình chuyên đề.

- Phòng máy tính và mô phỏng thực hành phục vụ riêng cho các học phần ứng dụng công nghệ trong kinh doanh. Máy tính cấu hình cao, được cài đặt các phần mềm, nền tảng và công cụ quản trị hiện đại như: Google Analytics, Tableau, Power BI, CRM, phần mềm ERP, hệ thống quản lý chiến dịch truyền thông và mô hình AI hỗ trợ ra quyết định. Người học có thể thực hành vận hành doanh nghiệp mô phỏng, phân tích dữ liệu thị trường và xây dựng chiến lược kinh doanh trên nền tảng số.

- Thư viện truyền thông và thư viện số cung cấp nguồn tài nguyên học thuật đa dạng, bao gồm hàng ngàn đầu sách, giáo trình chuyên ngành, cơ sở dữ liệu điện tử như ProQuest, JSTOR, ScienceDirect, EBSCO... phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu chuyên sâu của người học và giảng viên.

- Không gian làm việc nhóm, khu vực nghiên cứu và đổi mới sáng tạo được thiết kế mở, truyền cảm hứng sáng tạo, hỗ trợ người học MBA trong quá trình xây dựng đề án chiến lược, luận văn hoặc phát triển dự án khởi nghiệp. Những khu vực này khuyến khích

người học chủ động thảo luận, phản biện và thực hành kỹ năng lãnh đạo trong môi trường học tập chuyên nghiệp.

Nhờ hệ thống cơ sở vật chất hiện đại và phù hợp với định hướng đào tạo gắn liền thực tiễn, chương trình MBA tại Trường Đại học Tân Tạo tạo điều kiện thuận lợi để người học phát triển toàn diện năng lực quản trị trong kỷ nguyên chuyển đổi số và hội nhập quốc tế.

18. Tóm tắt nội dung học phần

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số TC	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Triết học (Philosophy)	Học phần “Triết học” cung cấp cho người học nền tảng tư duy lý luận vững chắc nhằm phát triển năng lực tư duy phản biện, nhận thức logic và hiểu sâu về thế giới quan trong bối cảnh quản trị hiện đại. Nội dung học phần bao gồm những phạm trù cơ bản của triết học Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, cùng các trường phái triết học phương Tây có ảnh hưởng lớn đến tư duy chiến lược, quản trị tổ chức và đạo đức nghề nghiệp. Người học sẽ phân tích mối quan hệ giữa con người – tự nhiên – xã hội trong bối cảnh toàn cầu hóa và đổi mới quản trị. Học phần góp phần phát triển các chuẩn đầu ra: PLO1 (Tư duy logic và phương pháp luận khoa học trong quản trị), PLO5 (Vận dụng kiến thức triết học vào thực tiễn ra quyết định), PLO12 (Hành xử theo giá trị đạo đức và trách nhiệm xã hội). Thông qua thảo luận nhóm, phản biện tình huống và viết tiểu luận phân tích, người học được rèn	4	Quy định trong đề cương chi tiết môn học

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số TC	Phương pháp đánh giá sinh viên
		luyện năng lực tổ chức lập luận, kết nối giá trị cá nhân với hành vi quản trị và ra quyết định có trách nhiệm. Kết thúc học phần, người học có thể tích hợp tư duy triết học vào thực tiễn doanh nghiệp nhằm nâng cao khả năng lãnh đạo, ra quyết định đa chiều và có đạo đức trong môi trường thay đổi nhanh chóng.		
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh (Research Methods for Business)	Học phần trang bị kiến thức nền tảng về tư duy nghiên cứu khoa học trong kinh doanh, tập trung vào các phương pháp định tính, định lượng và hỗn hợp. Nội dung bao gồm xác định vấn đề nghiên cứu, xây dựng mô hình, thiết kế công cụ thu thập và phương pháp phân tích dữ liệu. Người học sẽ thực hành viết đề cương nghiên cứu và được làm quen với phần mềm như SPSS, SmartPLS hoặc công cụ AI hỗ trợ xử lý dữ liệu. Học phần đóng vai trò chuẩn bị năng lực học thuật và kỹ thuật nghiên cứu nền tảng , làm tiền đề cho việc thực hiện đề án tốt nghiệp hoặc nghiên cứu chuyên sâu. Học phần đóng góp trực tiếp vào việc đạt được các chuẩn đầu ra PLO2 (phân tích lý thuyết quản trị và kiến thức chuyên sâu), PLO3 (đánh giá hiệu quả hoạt động doanh nghiệp dựa trên dữ liệu), PLO6 (áp dụng kỹ	3	Quy định trong đề cương chi tiết môn học

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số TC	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thuật phân tích thông tin trong nghiên cứu độc lập) và PLO10 (hình thành kết luận chuyên gia từ các quan điểm đa chiều). Qua quá trình học tập, người học sẽ được rèn luyện kỹ năng phân tích, tư duy phản biện, viết học thuật và phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu. Sau khi hoàn tất học phần, người học có khả năng thiết kế và triển khai một nghiên cứu khoa học độc lập, phục vụ cho đề án tốt nghiệp, công bố học thuật hoặc tư vấn doanh nghiệp, từ đó nâng cao năng lực nghiên cứu chuyên sâu trong môi trường học thuật và thực tiễn kinh doanh.		
3	Quản trị chiến lược toàn cầu (Global Strategic Management)	Học phần “Quản trị chiến lược toàn cầu” trang bị cho người học tư duy chiến lược trong môi trường kinh doanh quốc tế đầy biến động và cạnh tranh. Thông qua việc tiếp cận các mô hình chiến lược cổ điển và hiện đại, người học sẽ được khám phá những nguyên tắc nền tảng trong xây dựng tầm nhìn, sứ mệnh, mục tiêu và hoạch định chiến lược cho doanh nghiệp xuyên quốc gia. Nội dung học phần bao gồm: phân tích môi trường vĩ mô và vi mô toàn cầu, định vị chiến lược, quản trị lợi thế cạnh tranh bền vững, chiến lược quốc tế hóa, liên minh chiến lược, sáp nhập và mua lại, cũng như	3	Quy định trong đề cương chi tiết môn học

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số TC	Phương pháp đánh giá sinh viên
		quản trị thay đổi trong tổ chức toàn cầu. Học phần hướng đến phát triển các chuẩn đầu ra: PLO2 (phân tích lý thuyết và môi trường kinh doanh chiến lược), PLO3 (đánh giá quyết định chiến lược dựa trên dữ liệu toàn cầu), PLO5 (thực hiện phương pháp quản trị chuyên ngành), PLO6 (giải quyết các vấn đề thực tiễn trong doanh nghiệp) và PLO10 (đề xuất giải pháp cho các vấn đề phức tạp). Thông qua phương pháp học tập tích cực như tình huống Harvard, mô phỏng chiến lược và phân tích thị trường quốc tế, người học được rèn luyện khả năng lập luận chiến lược, ra quyết định và phản biện trong môi trường toàn cầu hóa. Kết thúc học phần, người học có thể xây dựng và triển khai chiến lược kinh doanh phù hợp với bối cảnh quốc tế, tối ưu hóa nguồn lực doanh nghiệp, thích ứng với thay đổi nhanh chóng của thị trường và nâng cao vị thế cạnh tranh bền vững trên toàn cầu.		
4	Quản trị nguồn nhân lực chiến lược (Strategic Human Resource Management)	Học phần “Quản trị nguồn nhân lực chiến lược” tập trung phát triển tư duy và kỹ năng hoạch định, triển khai và đánh giá các chính sách nhân sự phù hợp với chiến lược tổng thể của tổ chức. Người học sẽ được tiếp cận các lý thuyết hiện đại về quản trị nguồn	3	Quy định trong đề cương chi tiết môn

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số TC	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nhân lực, mô hình liên kết giữa HRM và chiến lược tổ chức, cũng như các thực hành chiến lược như: quản trị năng lực lõi, hoạch định nhân lực, tuyển dụng và giữ chân nhân tài, đánh giá hiệu quả công việc, phát triển năng lực lãnh đạo và văn hóa doanh nghiệp. Đặc biệt, học phần khai thác các xu hướng mới như HRM 4.0, HR Analytics và vai trò của AI trong ra quyết định nhân sự. Học phần này đóng góp trực tiếp vào các chuẩn đầu ra: PLO2 (phân tích lý thuyết quản trị hiện đại), PLO3 (đánh giá hiệu quả tổ chức dựa trên phân tích nguồn nhân lực), PLO5 (vận dụng linh hoạt kiến thức vào thực tiễn), PLO6 (giải quyết vấn đề thực tiễn trong doanh nghiệp) và PLO10 (hình thành kết luận chuyên sâu để đề xuất giải pháp tổ chức). Qua các hoạt động mô phỏng, phân tích tình huống thực tế và xây dựng chiến lược HRM, người học phát triển kỹ năng phản biện, tư duy hệ thống và năng lực quản trị con người trong bối cảnh chiến lược. Sau khi hoàn tất, người học có khả năng thiết kế và vận hành hệ thống nhân sự chiến lược hiệu quả, góp phần tối ưu hóa hiệu suất tổ chức, nâng cao lợi thế cạnh tranh và phát triển bền vững lực lượng lao		học

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số TC	Phương pháp đánh giá sinh viên
		động trong kỷ nguyên chuyển đổi số.		
5	Quản trị vận hành và chuỗi cung ứng (Operations and Supply Chain Management)	Học phần “Quản trị vận hành và chuỗi cung ứng” cung cấp cho người học kiến thức nền tảng và chuyên sâu về cách tổ chức, tối ưu hóa và tích hợp các quy trình sản xuất – dịch vụ trong doanh nghiệp và chuỗi cung ứng toàn cầu. Nội dung học phần bao gồm: quản trị năng suất, hoạch định nguồn lực, kiểm soát chất lượng, quản lý tồn kho, logistics, thiết kế mạng lưới cung ứng, và áp dụng công nghệ số (IoT, AI, Blockchain) trong quản trị chuỗi cung ứng. Người học sẽ học cách liên kết vận hành với chiến lược kinh doanh và tối ưu hóa hiệu suất tổ chức thông qua quản trị dòng nguyên vật liệu, thông tin và tài chính. Học phần góp phần đạt được nhiều chuẩn đầu ra quan trọng như: PLO2 (phân tích môi trường và lý thuyết vận hành), PLO3 (đánh giá hoạt động doanh nghiệp dựa trên dữ liệu vận hành), PLO5 (vận dụng linh hoạt kiến thức vào thực tiễn), PLO7 (vận hành hệ thống quản trị hiệu quả), PLO8 (giao tiếp – đàm phán chuyên nghiệp) và PLO10 (đề xuất giải pháp quản trị cho các vấn đề phức tạp). Phương pháp học tập trải nghiệm như mô phỏng hệ thống vận hành, bài tập tình	3	Quy định trong đề cương chi tiết môn học

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số TC	Phương pháp đánh giá sinh viên
		huống và xây dựng chiến lược chuỗi cung ứng giúp người học hình thành tư duy hệ thống và năng lực giải quyết vấn đề tích hợp. Kết thúc học phần, người học có khả năng xây dựng và vận hành hiệu quả chuỗi cung ứng linh hoạt, giảm thiểu rủi ro và chi phí, nâng cao khả năng thích ứng với thị trường và góp phần tăng trưởng bền vững cho tổ chức trong môi trường toàn cầu hóa.		
6	Quản trị Marketing nâng cao (Advanced Marketing Management)	Học phần "Quản trị Marketing nâng cao" cung cấp cho người học tư duy chiến lược trong việc xây dựng, triển khai và kiểm soát các kế hoạch marketing toàn diện trong môi trường cạnh tranh và số hóa. Người học sẽ được tiếp cận các khái niệm và công cụ nâng cao như định vị giá trị, quản trị thương hiệu, truyền thông marketing tích hợp (IMC), tối ưu hóa hành trình khách hàng (customer journey), quản lý trải nghiệm và cá nhân hóa bằng dữ liệu lớn (Big Data). Bên cạnh đó, học phần chú trọng khai thác các nền tảng marketing hiện đại như digital marketing, marketing dựa trên trí tuệ nhân tạo (AI marketing), và các chỉ số đo lường hiệu quả chiến dịch. Nội dung học tập bao gồm: phân tích thị trường và hành vi người tiêu dùng, chiến lược sản phẩm-giá-phân phối-xúc	3	Quy định trong đề cương chi tiết môn học

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số TC	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tiền, quản lý khủng hoảng truyền thông, cùng với thực hành thiết kế và đánh giá chiến dịch marketing tích hợp. Các phương pháp giảng dạy như tình huống Harvard, mô phỏng chiến lược, thuyết trình nhóm và phản biện sẽ giúp người học phát triển kỹ năng lập kế hoạch, tư duy phản biện, giao tiếp chiến lược và lãnh đạo sáng tạo. Học phần hỗ trợ trực tiếp các chuẩn đầu ra như: PLO2 (phân tích lý thuyết và môi trường kinh doanh), PLO4 (đề xuất giải pháp thích ứng công nghệ), PLO5 (vận dụng kiến thức vào thực tiễn), PLO8 (kỹ năng giao tiếp chuyên nghiệp), PLO10 (hình thành kết luận chuyên gia). Kết thúc học phần, người học có khả năng xây dựng và triển khai các chiến lược marketing hiệu quả, ứng dụng công nghệ vào phân tích và ra quyết định, đồng thời tối ưu hóa hoạt động thương hiệu và truyền thông trong môi trường kinh doanh số hóa toàn cầu.		
7	Tài chính nâng cao cho nhà quản trị (Advanced Financial Management for Managers)	Học phần này trang bị kiến thức tài chính chiến lược, phục vụ quá trình ra quyết định của nhà quản trị cấp cao. Nội dung bao gồm: phân tích báo cáo tài chính nâng cao, dự báo tài chính, đánh giá dự án đầu tư, cấu trúc vốn tối ưu, chính sách cổ tức và quản trị rủi	3	Quy định trong đề cương chi tiết môn

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số TC	Phương pháp đánh giá sinh viên
		ro tài chính. Ngoài ra, người học sẽ tiếp cận các kỹ thuật định giá doanh nghiệp, mô hình tài chính hiện đại và phân tích tác động tài chính từ các quyết định chiến lược. Học phần hỗ trợ đạt các PLO2, PLO3, PLO5, PLO8 và PLO10. Thông qua hoạt động mô phỏng tài chính, thuyết trình nhóm và phân tích dữ liệu thực tế, người học rèn luyện khả năng phân tích tài chính, đánh giá hiệu quả và kiểm soát rủi ro trong quá trình điều hành doanh nghiệp. Kết thúc học phần, người học sẽ có khả năng đọc hiểu, phân tích sâu sắc các chỉ tiêu tài chính, dự báo xu hướng và đưa ra quyết định tài chính hợp lý trong bối cảnh cạnh tranh và bất định, đóng vai trò chiến lược trong việc điều hành tổ chức.		học
8	Lãnh đạo chiến lược (Strategic Leadership)	Học phần “Lãnh đạo chiến lược” trang bị cho người học năng lực lãnh đạo trong bối cảnh thay đổi nhanh chóng và phức tạp của môi trường kinh doanh toàn cầu. Nội dung gồm: lý thuyết và mô hình lãnh đạo chiến lược, phát triển tầm nhìn, dẫn dắt thay đổi, ra quyết định đạo đức, xây dựng văn hóa tổ chức, quản trị khủng hoảng, và lãnh đạo đổi mới sáng tạo. Học phần giúp đạt các PLO1, PLO3, PLO5,	4	Quy định trong đề cương chi tiết môn học

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số TC	Phương pháp đánh giá sinh viên
		PLO7, PLO8, PLO11 và PLO12. Người học sẽ tham gia mô phỏng lãnh đạo, phân tích tình huống thực tiễn và xây dựng kế hoạch phát triển năng lực cá nhân để làm chủ vai trò lãnh đạo cấp cao. Sau khi hoàn thành học phần, người học có khả năng xác định định hướng chiến lược, phát huy ảnh hưởng cá nhân, điều phối nguồn lực và xây dựng môi trường lãnh đạo lấy giá trị làm trung tâm, đáp ứng yêu cầu lãnh đạo trong thời đại mới.		
9	Hành vi tổ chức (Organizational Behavior)	Học phần “Hành vi tổ chức” cung cấp cho người học nền tảng khoa học về hành vi cá nhân và tập thể trong môi trường doanh nghiệp. Nội dung bao gồm: động lực làm việc, sự hài lòng trong công việc, văn hóa tổ chức, giao tiếp nội bộ, lãnh đạo – quyền lực, xung đột, thay đổi tổ chức và phát triển nhóm hiệu quả. Các lý thuyết hành vi được kết hợp với phân tích thực tiễn để giúp người học hiểu sâu hơn về yếu tố con người trong hoạt động quản trị. Học phần giúp đạt các PLO1, PLO3, PLO5, PLO7, PLO9, PLO11 và PLO12. Qua hoạt động mô phỏng tình huống, phản tư cá nhân và thảo luận nhóm, người học rèn luyện kỹ năng quan sát, ra quyết định nhân sự và xây dựng môi trường làm việc tích cực. Kết thúc	3	Quy định trong đề cương chi tiết môn học

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số TC	Phương pháp đánh giá sinh viên
		học phần, người học có khả năng phân tích và điều chỉnh hành vi tổ chức, tạo động lực và điều phối đội ngũ hiệu quả nhằm tối ưu hóa hiệu suất và sự hài lòng trong tổ chức		
10	Quản trị đa văn hóa (Cross-Cultural Management)	Học phần “Quản trị đa văn hóa” tập trung vào việc phát triển khả năng quản trị con người và tổ chức trong môi trường đa văn hóa và toàn cầu hóa. Nội dung bao gồm: phân tích mô hình văn hóa (Hofstede, Trompenaars), giao tiếp liên văn hóa, giải quyết xung đột văn hóa, quản trị nhóm đa văn hóa, và phát triển năng lực văn hóa trong lãnh đạo và ra quyết định. Học phần hỗ trợ đạt các PLO1, PLO3, PLO6, PLO8, PLO9 và PLO12. Qua các tình huống quốc tế, mô phỏng làm việc đa văn hóa, người học phát triển kỹ năng thích nghi, giải quyết vấn đề và giao tiếp hiệu quả trong môi trường làm việc toàn cầu. Kết thúc học phần, người học có khả năng xây dựng chiến lược quản trị hiệu quả trong tổ chức toàn cầu, giảm thiểu xung đột văn hóa, thúc đẩy hợp tác quốc tế và nâng cao hiệu suất tổ chức thông qua sự hiểu biết sâu sắc về con người và văn hóa.	3	Quy định trong đề cương chi tiết môn học
11	Quản trị chất lượng nâng cao	Học phần "Quản trị chất lượng nâng cao" cung cấp cho người học kiến thức chuyên	3	Quy định

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số TC	Phương pháp đánh giá sinh viên
	(Advanced Quality Management)	sâu và công cụ thực tiễn trong việc thiết lập, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng tại các tổ chức. Trọng tâm của học phần là việc tích hợp các nguyên lý chất lượng vào chiến lược doanh nghiệp, từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh, sự hài lòng của khách hàng và hiệu quả hoạt động. Người học sẽ được tiếp cận các học thuyết quản trị nổi bật như Deming, Juran, Crosby; các tiêu chuẩn quốc tế như ISO 9001, EFQM; cùng các công cụ thống kê kiểm soát chất lượng như Six Sigma, PDCA, Kaizen và phân tích nguyên nhân gốc rễ (root cause analysis). Nội dung học phần tập trung vào: thiết kế hệ thống quản lý chất lượng tổng thể (TQM), kiểm soát quá trình sản xuất – dịch vụ, cải tiến liên tục, đánh giá hiệu quả quy trình và vận hành hệ thống đánh giá nội bộ. Người học sẽ thực hành xây dựng quy trình kiểm soát chất lượng, thực hiện audit chất lượng nội bộ và đề xuất giải pháp cải tiến cho tình huống thực tế trong doanh nghiệp. Học phần góp phần phát triển các chuẩn đầu ra sau: PLO2 (phân tích lý thuyết quản trị vận hành và chất lượng), PLO3 (đánh giá hiệu quả hoạt động doanh nghiệp dựa trên		trong đề cương chi tiết môn học

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số TC	Phương pháp đánh giá sinh viên
		dữ liệu), PLO5 (vận dụng linh hoạt kiến thức chuyên môn), PLO8 (giao tiếp và phối hợp hiệu quả trong tổ chức), PLO10 (hình thành giải pháp chuyên gia đối với các vấn đề phức tạp). Kết thúc học phần, người học có khả năng thiết lập và điều hành hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, đồng thời đưa ra sáng kiến cải tiến phù hợp với bối cảnh cụ thể của tổ chức, góp phần nâng cao hiệu suất và phát triển bền vững trong môi trường cạnh tranh toàn cầu.		
12	Mô hình kinh doanh điện tử (E-Business Models)	Học phần “Mô hình kinh doanh điện tử” cung cấp nền tảng lý thuyết và thực tiễn về cách thiết kế, triển khai và tối ưu hóa các mô hình kinh doanh trong môi trường số. Nội dung bao gồm: phân loại mô hình e-business (B2B, B2C, C2C, C2B), nền tảng thương mại điện tử, chiến lược số hóa, phân tích hành vi tiêu dùng online, quản trị chuỗi giá trị số, và tích hợp dữ liệu trong ra quyết định kinh doanh. Học phần giúp đạt các PLO2, PLO3, PLO5, PLO6, PLO10. Qua hoạt động xây dựng mô hình kinh doanh canvas, phân tích case thực tế và thiết kế đề án khởi nghiệp điện tử, người học rèn luyện năng lực tư duy đổi mới, khai thác công nghệ và tối ưu mô hình	3	Quy định trong đề cương chi tiết môn học

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số TC	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tạo giá trị trong môi trường số. Kết thúc học phần, người học có thể thiết kế và triển khai hiệu quả mô hình kinh doanh điện tử phù hợp với bối cảnh cạnh tranh, hành vi khách hàng và tiến trình chuyển đổi số toàn cầu.		
13	Quản trị kinh doanh quốc tế (International Business Management)	Học phần “Quản trị kinh doanh quốc tế” giúp người học hiểu rõ môi trường kinh doanh toàn cầu và các chiến lược mở rộng hoạt động quốc tế của doanh nghiệp. Nội dung học phần bao gồm: toàn cầu hóa và chiến lược xâm nhập thị trường nước ngoài, quản trị rủi ro quốc tế, đàm phán xuyên văn hóa, chuỗi cung ứng toàn cầu, đầu tư quốc tế, luật thương mại quốc tế và chính sách thương mại. Học phần góp phần đạt các PLO2, PLO3, PLO5, PLO7, PLO8 và PLO11. Các hoạt động như phân tích case study quốc tế, mô phỏng đàm phán đa văn hóa, nghiên cứu thị trường ngoại quốc sẽ giúp người học nâng cao tư duy chiến lược toàn cầu và kỹ năng thích ứng trong môi trường đa dạng. Sau khi hoàn tất học phần, người học có khả năng xây dựng chiến lược mở rộng kinh doanh ra thị trường quốc tế, thích ứng với khác biệt văn hóa – pháp lý và nâng cao năng lực lãnh đạo trong môi trường xuyên quốc gia.	3	Quy định trong đề cương chi tiết môn học

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số TC	Phương pháp đánh giá sinh viên
14	Quản trị rủi ro trong doanh nghiệp (Enterprise Risk Management)	Học phần này giúp người học nhận diện, phân tích và quản trị rủi ro trong toàn bộ hoạt động doanh nghiệp. Nội dung bao gồm: mô hình quản trị rủi ro tích hợp (ERM), đánh giá rủi ro chiến lược, rủi ro vận hành, rủi ro tài chính, pháp lý và danh tiếng; tiêu chuẩn COSO, ISO 31000 và các công cụ định lượng như phân tích kịch bản, mô phỏng Monte Carlo, phân tích SWOT và PESTLE trong quản trị rủi ro. Học phần hỗ trợ đạt các PLO2, PLO3, PLO5, PLO6, PLO8 và PLO10. Người học sẽ thực hành đánh giá hồ sơ rủi ro, xây dựng kế hoạch ứng phó, và thuyết minh mô hình kiểm soát nội bộ cho doanh nghiệp thực tế. Kết thúc học phần, người học có thể xây dựng hệ thống quản trị rủi ro hiệu quả, chủ động ra quyết định chiến lược và bảo vệ giá trị doanh nghiệp trong môi trường biến động cao.		Quy định trong đề cương chi tiết môn học
15	Ứng dụng Trí tuệ nhân tạo và Dữ liệu lớn trong kinh doanh (AI and Big Data Applications in Business)	Học phần này trang bị cho người học kiến thức nền tảng và kỹ năng ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và dữ liệu lớn (Big Data) vào hoạt động quản trị kinh doanh. Nội dung bao gồm: giới thiệu về AI, học máy, phân tích dự báo, xử lý ngôn ngữ tự nhiên, khai phá dữ liệu, ứng dụng AI trong marketing,	3	Quy định trong đề cương chi tiết môn học

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số TC	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tài chính, quản trị nhân sự và vận hành doanh nghiệp. Học phần hỗ trợ đạt các PLO2, PLO4, PLO6, PLO7 và PLO10. Người học sẽ tiếp cận các công cụ như Power BI, Python cơ bản, Tableau, cùng bài tập thực hành trực quan hóa dữ liệu và xây dựng dashboard điều hành. Kết thúc học phần, người học có thể phân tích và ra quyết định dựa trên dữ liệu, đề xuất các sáng kiến chuyển đổi số, đồng thời tối ưu hóa quy trình kinh doanh bằng công nghệ AI nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động tổ chức.		
16	Quản trị dự án nâng cao (Advanced Project Management)	Học phần “Quản trị dự án nâng cao” trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng chuyên sâu trong việc lập kế hoạch, triển khai, kiểm soát và đánh giá các dự án kinh doanh trong bối cảnh toàn cầu hóa và số hóa. Người học sẽ tiếp cận các nguyên lý quản trị dự án hiện đại theo chuẩn quốc tế như PMI (PMBOK), Agile, Scrum và Lean Project Management. Nội dung học phần bao gồm quản lý phạm vi, chi phí, tiến độ, nguồn lực, rủi ro, chất lượng và truyền thông trong suốt vòng đời dự án. Người học sẽ được hướng dẫn xây dựng hồ sơ dự án hoàn chỉnh, phân tích khả thi tài chính và	3	Quy định trong đề cương chi tiết môn học

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số TC	Phương pháp đánh giá sinh viên
		phi tài chính, sử dụng phần mềm chuyên dụng như Microsoft Project, Trello, hoặc công cụ AI hỗ trợ ra quyết định. Ngoài ra, học phần còn đề cập đến các yếu tố ảnh hưởng đến thành công dự án như quản trị thay đổi, quản lý stakeholder, quản lý xung đột và đo lường chỉ số hiệu suất (KPIs). Học phần góp phần đạt được các chuẩn đầu ra sau: PLO2 (phân tích lý thuyết quản trị hiện đại), PLO3 (đánh giá hoạt động và rủi ro dự án dựa trên dữ liệu), PLO5 (vận dụng hiệu quả kiến thức vào thực tiễn quản lý), PLO7 (quản trị hoạt động trong môi trường linh hoạt), PLO8 (giao tiếp và điều phối nhóm dự án), PLO11 (định hướng phát triển năng lực lãnh đạo dự án). Thông qua các tình huống mô phỏng, dự án nhóm thực tế và phản biện chiến lược, người học sẽ rèn luyện kỹ năng tổ chức, lãnh đạo và tư duy hệ thống. Kết thúc học phần, người học có khả năng lập và điều hành dự án một cách chuyên nghiệp, thích ứng với thay đổi, tối ưu hóa nguồn lực và gia tăng giá trị tổ chức trong bối cảnh cạnh tranh và bất định.		
17	Quản trị đổi mới và khởi nghiệp (Innovation and	Học phần này trang bị cho người học tư duy sáng tạo, khả năng phát triển ý tưởng và triển khai mô hình kinh doanh mới. Nội	3	Quy định trong đề

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số TC	Phương pháp đánh giá sinh viên
	Entrepreneurship Management)	dung bao gồm: quá trình đổi mới, thiết kế mô hình kinh doanh sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp, huy động vốn, quản trị tăng trưởng và quản trị thất bại trong khởi nghiệp. Người học được hướng dẫn xây dựng kế hoạch kinh doanh khả thi, thẩm định ý tưởng và quản trị quá trình đổi mới trong doanh nghiệp hiện hữu. Học phần giúp đạt được các PLO1, PLO3, PLO6, PLO8, PLO10 và PLO11. Các hoạt động như lập đề án khởi nghiệp, thuyết trình gọi vốn, phân tích mô hình startup điển hình sẽ giúp người học phát triển năng lực sáng tạo, ra quyết định và giải quyết vấn đề thực tiễn. Sau khi hoàn thành học phần, người học có thể phát triển một dự án khởi nghiệp độc lập hoặc trở thành người tiên phong đổi mới trong các tổ chức, đóng góp vào sự phát triển bền vững và khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp.		cương chi tiết môn học
18	Môi trường: luật pháp và chính sách (Environment: Law & Policy)	Học phần “Môi trường: luật pháp và chính sách” giúp người học hiểu rõ khuôn khổ pháp lý và chính sách quản lý môi trường, từ cấp độ quốc gia đến quốc tế. Nội dung bao gồm: luật bảo vệ môi trường Việt Nam, chính sách môi trường trong kinh doanh, đánh giá tác động môi trường (EIA), cơ chế	4	Quy định trong đề cương chi tiết môn học

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số TC	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thị trường carbon, hiệp định môi trường quốc tế (như COP, Paris Agreement) và các quy định ESG. Học phần đạt các PLO1, PLO2, PLO3, PLO5, PLO10 và PLO12. Người học sẽ phân tích tình huống pháp lý thực tiễn, đánh giá tuân thủ và đề xuất giải pháp quản trị rủi ro môi trường trong doanh nghiệp. Sau khi hoàn tất, người học có thể tích hợp yếu tố pháp lý và đạo đức môi trường vào chiến lược kinh doanh, nâng cao khả năng ra quyết định bền vững và giảm thiểu rủi ro pháp lý.		
19	Kinh tế tuần hoàn và phát triển bền vững (Circular Economy & Sustainable Development)	Học phần này cung cấp kiến thức về kinh tế tuần hoàn như một mô hình thay thế bền vững cho kinh tế tuyến tính truyền thống. Nội dung bao gồm: lý thuyết và mô hình kinh tế tuần hoàn, ESG, quản trị tài nguyên, giảm phát thải, đổi mới sinh thái, quản lý vòng đời sản phẩm và vai trò doanh nghiệp trong phát triển bền vững. Học phần góp phần đạt các PLO2, PLO3, PLO6, PLO8, PLO12. Người học sẽ xây dựng mô hình kinh doanh tuần hoàn, phân tích các điển cứu thành công và đánh giá tác động của hoạt động doanh nghiệp đến môi trường và xã hội. Sau khi hoàn thành, người	3	Quy định trong đề cương chi tiết môn học

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số TC	Phương pháp đánh giá sinh viên
		học có thể tích hợp nguyên lý phát triển bền vững vào chiến lược doanh nghiệp, nâng cao trách nhiệm xã hội và góp phần định hình tương lai kinh tế xanh.		
20	Đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (Business Ethics and Corporate Social Responsibility)	Học phần này giúp người học hiểu sâu sắc về các nguyên tắc đạo đức trong kinh doanh, cũng như vai trò và tầm quan trọng của trách nhiệm xã hội doanh nghiệp (CSR) trong bối cảnh toàn cầu hóa, phát triển bền vững và quản trị minh bạch. Nội dung học phần bao gồm: các hệ giá trị đạo đức trong hoạt động kinh doanh; mô hình ra quyết định có đạo đức; các chuẩn mực pháp lý và chuẩn mực hành xử nghề nghiệp; khái niệm và chiến lược thực thi CSR; ESG (Environmental – Social – Governance); cũng như các vấn đề đương đại như quyền lợi người tiêu dùng, đạo đức trong công nghệ và biến đổi khí hậu. Thông qua phân tích tình huống thực tiễn, phản biện các mô hình đạo đức toàn cầu, và xây dựng chiến lược CSR bền vững, người học được trang bị tư duy phản biện, khả năng ra quyết định có trách nhiệm và năng lực lãnh đạo giá trị. Học phần cũng đề cập đến các tiêu chuẩn quốc tế như GRI, ISO 26000 và các mô hình đo lường tác động xã hội – môi trường.	3	Quy định trong đề cương chi tiết môn học

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số TC	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Học phần đóng góp vào các chuẩn đầu ra: PLO1 (tư duy logic và phân tích đa chiều), PLO3 (đánh giá tác động chiến lược dựa trên dữ liệu và giá trị), PLO5 (vận dụng kiến thức vào thực tiễn có đạo đức), PLO10 (đưa ra kết luận chuyên gia cho vấn đề phức tạp), PLO12 (ra quyết định dựa trên đạo đức và trách nhiệm xã hội). Kết thúc học phần, người học có khả năng tích hợp đạo đức và trách nhiệm xã hội vào chiến lược kinh doanh, xác định và quản trị các rủi ro phi tài chính, đồng thời góp phần nâng cao hình ảnh, uy tín và sự bền vững của tổ chức trong cộng đồng và thị trường toàn cầu.		
21	Đánh giá tác động môi trường và xã hội (Environmental and Social Impact Assessment – ESIA)	Học phần này cung cấp cho người học kiến thức nền tảng và chuyên sâu về lý thuyết, khung pháp lý, phương pháp và công cụ đánh giá tác động môi trường và xã hội của các dự án phát triển. Trọng tâm là cách tiếp cận liên ngành nhằm xác định, phân tích, dự báo và quản lý các tác động tiềm ẩn đến hệ sinh thái, cộng đồng, văn hóa và điều kiện sống trước khi triển khai một dự án hoặc chính sách lớn. Học phần cũng lồng ghép các nguyên tắc của phát triển bền vững, công bằng xã hội và trách nhiệm giải trình của doanh nghiệp trong thực hiện nghĩa vụ	3	Quy định trong đề cương chi tiết môn học

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số TC	Phương pháp đánh giá sinh viên
		môi trường – xã hội. Nội dung học tập bao gồm: quy trình lập ESIA, phân tích lợi ích – chi phí mở rộng (BCA), tham vấn cộng đồng, tiêu chuẩn của IFC, Ngân hàng Thế giới và hệ thống pháp luật Việt Nam về môi trường. Ngoài ra, người học sẽ được rèn luyện các kỹ thuật đánh giá định tính và định lượng, lập báo cáo ESIA mẫu, cũng như thiết kế khung giám sát – giảm thiểu tác động dài hạn. Học phần đóng góp vào các chuẩn đầu ra sau: PLO1 – Tư duy logic, phân tích thông tin đa chiều. PLO3 – Đánh giá chiến lược và rủi ro dựa trên dữ liệu. PLO5 – Vận dụng kiến thức vào thực tiễn quản trị phát triển. PLO7 – Quản trị tổ chức trong điều kiện phức tạp. PLO10 – Hình thành giải pháp mang tính chuyên gia. PLO12 – Hành động theo đạo đức và trách nhiệm xã hội – môi trường. Thông qua bài tập tình huống, dự án mô phỏng và nghiên cứu thực địa, người học phát triển năng lực phân tích hệ thống, tư duy phát triển bền vững và khả năng ra quyết định có trách nhiệm. Sau khi hoàn thành học phần, người học có thể tham gia lập, phản biện hoặc tư vấn đánh giá tác động môi trường – xã hội cho các doanh nghiệp,		

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số TC	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tổ chức phi chính phủ hoặc cơ quan quản lý.		
22	Công nghệ kết nối vạn vật (Internet of Things – IoT Technologies)	Học phần “Công nghệ kết nối vạn vật” trang bị cho người học kiến thức nền tảng và khả năng ứng dụng thực tiễn của công nghệ Internet of Things (IoT) trong môi trường kinh doanh hiện đại. Người học sẽ tìm hiểu cách các thiết bị, cảm biến và hệ thống dữ liệu kết nối với nhau để thu thập, phân tích và phản hồi thông tin trong thời gian thực, từ đó nâng cao hiệu quả quản lý, tối ưu hóa vận hành và cải thiện trải nghiệm khách hàng trong doanh nghiệp. Nội dung học phần bao gồm: kiến trúc hệ thống IoT, giao thức kết nối, quản lý dữ liệu IoT, bảo mật thông tin, tích hợp với nền tảng AI và phân tích dữ liệu lớn. Các ứng dụng điển hình sẽ được khai thác trong các lĩnh vực như: chuỗi cung ứng thông minh, nhà máy số, bán lẻ tự động hóa, thành phố thông minh, và quản trị rủi ro thời gian thực. Người học cũng được tiếp cận các công cụ phần mềm mô phỏng IoT, nền tảng điện toán đám mây và các tiêu chuẩn toàn cầu về IoT (như MQTT, LoRa, NB-IoT). Học phần đóng góp vào các chuẩn đầu ra sau: PLO3 – Đánh giá mô hình và chiến lược trên cơ sở dữ liệu thực tiễn, PLO5 –	3	Quy định trong đề cương chi tiết môn học

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số TC	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Vận dụng công nghệ vào thực tiễn quản trị doanh nghiệp, PLO6 – Áp dụng kỹ thuật phân tích – xử lý dữ liệu và công nghệ hiện đại. PLO10 – Đưa ra giải pháp chuyên gia đối với các vấn đề phức tạp trong tổ chức. Thông qua các hoạt động học tập dựa trên dự án, mô phỏng và thiết kế giải pháp quản trị thông minh, người học sẽ phát triển năng lực công nghệ, tư duy hệ thống và khả năng đổi mới sáng tạo. Sau khi hoàn thành học phần, người học có thể đề xuất và triển khai các giải pháp quản trị doanh nghiệp dựa trên IoT, từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động và năng lực thích ứng trong môi trường kinh doanh số hóa.		
23	Seminar chuyên đề: Đề án kinh doanh thực tiễn (Practical Business Project)	Học phần đặc biệt này cho phép người học tích hợp toàn bộ kiến thức và kỹ năng đã học để giải quyết một vấn đề kinh doanh thực tiễn tại doanh nghiệp đối tác hoặc mô phỏng. Người học sẽ tiến hành khảo sát, phân tích, xây dựng giải pháp và trình bày đề án dưới dạng chuyên đề nhóm hoặc cá nhân. Quá trình thực hiện sẽ có sự hướng dẫn của giảng viên và chuyên gia doanh nghiệp. Học phần góp phần đạt tất cả các PLOs, đặc biệt là PLO6, PLO10, PLO11 và PLO12.	6	Quy định trong đề cương chi tiết môn học

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số TC	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Đây là cơ hội để người học phát triển tư duy hệ thống, phản biện học thuật, kỹ năng tư vấn chuyên nghiệp và năng lực điều hành dự án thực tế. Kết thúc học phần, người học có khả năng giải quyết vấn đề kinh doanh phức tạp, đưa ra giải pháp khả thi và ứng dụng hiệu quả lý thuyết vào thực tiễn doanh nghiệp.		
24	Đề án tốt nghiệp (Capstone Project)	Đây là học phần cuối chương trình, yêu cầu người học thực hiện một đề án nghiên cứu độc lập hoặc đề xuất giải pháp thực tiễn cho một vấn đề chiến lược trong quản trị kinh doanh. Người học sẽ xây dựng câu hỏi nghiên cứu, vận dụng kiến thức chuyên môn, kỹ năng phân tích và công cụ đã học để thực hiện đầy đủ quá trình nghiên cứu: tổng quan lý thuyết, phân tích dữ liệu thực tế, và đề xuất giải pháp. Học phần này nhấn mạnh khả năng tổng hợp – vận dụng – tư duy chiến lược và đánh giá năng lực toàn diện của người học. Sản phẩm cuối cùng có thể là báo cáo nghiên cứu, đề án ứng dụng hoặc một bài viết học thuật. Học phần góp phần đạt toàn diện tất cả các PLOs, với trọng tâm là PLO3, PLO6, PLO10, PLO11 và PLO12. Dưới sự hướng dẫn khoa học của giảng viên, người học	7	Quy định trong đề cương chi tiết môn học

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số TC	Phương pháp đánh giá sinh viên
		được đánh giá năng lực nghiên cứu, phân tích học thuật, khả năng sáng tạo giải pháp và trình bày chuyên nghiệp. Sau khi hoàn tất, người học có thể chứng minh năng lực chuyên môn sâu, khả năng tư duy phản biện và tiềm năng học tập suốt đời, sẵn sàng đảm nhận vai trò lãnh đạo hoặc nghiên cứu chuyên nghiệp trong tương lai.		

PHẦN II. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Các môn học chung

Bắt buộc do Bộ Giáo dục & Đào tạo phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện.

2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

- 01 tín chỉ được tính tương đương 45 giờ bao gồm: tối thiểu bằng 15 giờ lý thuyết; 30 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn; hoặc bằng 30 giờ thực hành, thảo luận, thực tập tại các phòng thí nghiệm và 15 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn; hoặc bằng 45-50 giờ thực tập tại bệnh viện, làm tiểu luận, bài tập lớn và giờ kiểm tra đánh giá, thi và trả bài thi kiểm tra kết thúc học phần.

- Được thể hiện cụ thể trong đề án tuyển sinh hàng năm và đề cương chi tiết từng môn học được Hiệu trưởng phê duyệt vào đầu mỗi khóa học.

3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, học phần

Theo quy chế đào tạo được Nhà trường quy định.

4. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp

4.1. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp

Thực hiện theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT về Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ và Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Tân tạo theo quy định như sau:

- Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ luận văn thạc sĩ đạt yêu cầu từ 5,5 trở lên;
- Đã nộp đề án tốt nghiệp hoàn chỉnh sau khi bảo vệ được hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên;
- Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài;
- Hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của cơ sở đào tạo; không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.

4.2. Công nhận tốt nghiệp

Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp theo quy định của trường.

5. Các chú ý khác

Q. HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Mai Lâm

P. TRƯỞNG PHÒNG QLĐT

Nguyễn Thanh Điền

P. TRƯỞNG KHOA

Dương Hoài An